ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN

**TRƯỜNG MẦM NON CHIỀNG CHĂN**

**BÁO CÁO TỰ ÐÁNH GIÁ**

SƠN LA- NĂM 2021

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Nhiệm vụ** |  **Chữ ký** |
| 1 | Hoàng Thị Tuyết Minh | Hiệu trưởng | Chủ tịch HĐ |  |
| 2 | Đỗ Thị Hải | Phó Hiệu trưởng | Phó Chủ tịch HĐ |  |
| 3 | Phạm Bích Ngọc | Phó Hiệu trưởng – CT công đoàn | Phó Chủ tịch HĐ |  |
| 4 | Nguyễn Thị Thanh | Tổ Phó CM khối 4 tuổi | Thành viên - Trưởng nhóm - Thư ký |  |
| 5 | Lò Thị Loan | Tổ Trưởng CM khối 5 tuổi | Thành viên |  |
| 6 | Lường Thị Xoan | Tổ Trưởng CM khối 3 tuổi, nhà trẻ | Thành viên |  |
| 7 | Nguyễn Thị Hà | Tổ trưởng CM khối 4 tuổi | Thành viên |  |

SƠN LA - NĂM 2021

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **Trang** |
| Mục lục | 2 |
| Danh mục các chữ viết tắt  | 4 |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá  | 5 |
| **Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU** | 7 |
| **Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ** | 11 |
| **A. ĐẶT VẤN ĐỀ** | 11 |
| **B. TỰ ĐÁNH GIÁ** | 13 |
| **I. Tự đánh giá Mức 1, Mức 2 và Mức 3** | 13 |
| **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường** | 13 |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường | 13 |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác | 16 |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường. | 18 |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng | 20 |
| Tiêu chí 1. 5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo | 22 |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản | 24 |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên | 26 |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục | 28 |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở | 30 |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học | 31 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 1* | 33 |
| **Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**  | 36 |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | 36 |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên | 38 |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên | 40 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 2* | 42 |
| **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học** | **43** |
| Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn | 43 |
| Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập | 45 |
| Tiêu chí 3. 3: Khối phòng hành chính – quản trị  | 46 |
| Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn | 48 |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị đồ dùng đồ chơi | 50 |
| Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước | 52 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 3* | 53 |
| **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội** | 55 |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ | 55 |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của trường | 57 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 4* | 59 |
| **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ** | 61 |
| Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non | 61 |
| Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ | 64 |
| Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe | 66 |
| Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục | 69 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 5* | 70 |
| **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG** | 72 |
| **Phần IV. PHỤ LỤC** |  |

**DANH MỤC**

**CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Viết tắt** | **Chú thích** |
| 1 | CBQL | Cán bộ quản lý |
| 2 | GV | Giáo viên |
| 3 | NV | Nhân viên |
| 4 | BV | Bảo vệ |
| 5 | GVMN | Giáo viên mầm non |
| 6 | CNTT | Công nghệ thông tin |
| 7 | BDTX | Bồi dưỡng thường xuyên |
| 8 | GD&ĐT | Giáo dục và Đào tạo |
| 9 | HĐND | Hội đồng nhân dân |
| 10 | UBND | Uỷ ban nhân dân |
| 11 | GDMN | Giáo dục mầm non |
| 12 | BGH | Cán bộ quản lý |
| 13 | TTCM | Tổ trưởng chuyên môn |
| 14 | ĐDĐC |  Đồ dùng đồ chơi |
| 15 | TĐG | Tự đánh giá |
| 16 | GD&ĐT | Giáo dục và Đào tạo |
| 17 | QĐ | Quyết định |
| 18 | CMHS | Cha mẹ học sinh |
| 19 | XHHGD | Xã hội hoá giáo dục |
| 20 | SDD | Suy dinh dưỡng |
| 21 | KT - XH | Kinh tế xã hội |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

1. **Kết quả đánh giá**

**1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn,** **tiêu chí** | **Kết quả** |
| **Không đạt** | **Đạt** |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
|  **Tiêu chuẩn 1** |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 1.2 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.3 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 1.4 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 1.5 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 1.6 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 1.7 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.8 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.9 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.10 |  | x | x |  |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 2.2 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 2.3 |  | x | x | x |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 3.2 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 3.3 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 3.4 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 3.5 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 3.6 |  | x | x |  |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 4.2 |  | x | x | x |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 5.2 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 5.3 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 5.4 |  | x | x | x |
| **TỔNG** | **25** | **25** | **19** |

 **Kết quả:** Đạt mức 3

**1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Kết quả** | **Ghi chú** |
| **Đạt** | **Không đạt** |  |
| Tiêu chí 1  |  | x |  |
| Tiêu chí 2 |  | x |  |
| Tiêu chí 3 |  | x |  |
| Tiêu chí 4 |  | x |  |
| Tiêu chí 5 |  | x |  |
| Tiêu chí 6 |  | x |  |

 **Kết quả:** Không đạt Mức 4

**2. Kết luận**: Trường đạt kiểm định chất lượng mức độ 3

**Phần I**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: **Trường Mầm non Chiềng Chăn**

Cơ quan chủ quản: UBND huyện Mai Sơn

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh | Sơn La |  | Họ và tên Hiệu trưởng | Hoàng Thị Tuyết Minh |
| Huyện | Mai Sơn |  | Điện thoại trường | 0916766358 |
| Xã | Chiềng Chăn |  | Fax |  |
| Đạt chuẩn quốc gia |  |  | Website | http://mnchiengchăn.gdmaison.edu.v |
| Năm thành lập trường |  2005 |  | Số điểm trường | 08 |
| Công lập | X |  |  |  |

**1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số nhóm, lớp** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** |
| Số nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Số nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Số nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi | 2 | 2 | 4 | 4 | 4 |
| Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi | 7 | 8 | 6 | 5 | 5 |
| Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi | 7 | 7 | 4 | 5 | 5 |
| Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi | 6 | 5 | 9 | 9 | 6 |
| **Cộng** | 22 | 22 | 23 | 23 | 20 |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường** *(tính đến thời điểm tháng 11/2021)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Ghi chú** |
| **I** | **Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo** | **22** | **22** | **23** | **23** | **20** |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 13 | 14 | 18 | 19 | 18 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 03 | 04 | 05 | 02 | 02 |  |
| 3 | Phòng tạm | 06 | 04 | 0 | 02 | 0 |  |
| **II** | **Khối phòng phục vụ học tập** | **0** | **0** | **0** | **0** | **1** |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **III** | **Khối phòng hành chính quản trị** | **04** | **04** | **04** | **04** | **04** |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 0 | 01 | 01 | 01 | 01 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng tạm | 04 | 03 | 03 | 03 | 03 |  |
| **IV** | **Khối phòng tổ chức ăn** | **0** | **0** | **0** | **0** | **2** |  |
| 1 | Bếp ăn | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 |  |
| 2 | Kho thực phẩm | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 |  |
| 3 | Kho ga | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **V** | **Các công trình, khối phòng chức năng khác**  | **13** | **13** | **14** | **14** | **15** |  |
| 1 | Công trình vệ sinh | 0 | 0 | 01 | 01 | 02 |  |
| 2 | Nhà công vụ | 13 | 13 | 13 | 13 | 13 |  |
|  | **Cộng** | **39** | **39** | **41** | **41** | **42** |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: *(tính đến thời điểm tháng 11/2021)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | **Ghi chú** |
| **Đạt chuẩn** | **Trên chuẩn** | **Chưa đạt chuẩn** |
| Hiệu trưởng | 01 | 01 | 01 | 0 | 01 | 0 |  |
| Phó hiệu trưởng | 02 | 02 | 0 | 0 | 02 | 0 |  |
| Giáo viên | 32 | 32 | 26 | 09 | 23 | 0 |  |
| Nhân viên | 03 | 02 | 02 | 03 | 0 | 0 |  |
| **Cộng** | **38** | **37** | **29** | **12** | **26** |  |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây *(tính đến thời điểm tháng 11/2021)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số liệu** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 26 | 26 | 30 | 29 | 32 |
| 2 | Tỷ lệ trẻ em/giáo viên  *(đối với nhóm trẻ)* | 14/GV | 12,3/GV | 9,3/GV | 10,8/GV | 61/610,2/GV |
| 3 | Tỷ lệ trẻ em/giáo viên *(đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)* | 20,3/GV | 21,9/GV | 20,6/GV | 18,9/GV | 236/1515,7/GV |
| 4 | Tỷ lệ trẻ em/giáo viên *(đối với lớp mẫu giáo có trẻ bán trú)* | 0 | 0 | 0 | 0 | 160/1114,5/GV |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện  | 11 | 13 | 11 | 09 | 07 |
| 6 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh  | 02 | 02 | 04 | 04 | 04 |

**4. Trẻ em** *(tính đến thời điểm tháng 11/2021)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** |
| 1 | Tổng số trẻ em | 515 | 540 | 551 | 507 | 457 |
| *- Nữ* | 254 | 253 | 234 | 219 | 192 |
| *- Dân tộc thiểu số* | 509 | 536 | 549 | 503 | 451 |
| 2 | Đối tượng chính sách | 166 | 132 | 132 | 98 | 120 |
| 3 | Khuyết tật | 0 | 02 | 03 | 01 | 01 |
| 4 | Tuyển mới | 0 | 207 | 167 | 85 | 91 |
| 5 | Học 2 buổi/ngày | 515 | 540 | 550 | 507 | 457 |
| 6 | Bán trú  | 0 | 0 | 0 | 0 | 187 |
| 7 | Tỉ lệ trẻ em/lớp | 23,4/lớp | 24,5/lớp | 24/lớp | 22/lớp | 24,75/lớp |
| 8 | Tỉ lệ trẻ em/nhóm | 28/lớp | 9/lớp | 14/lớp | 13,5/lớp | 15,25/lớp |
| 9 | Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 10 | Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 11 | Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi | 28 | 36 | 56 | 54 | 61 |
| 12 | Trẻ em từ 3-4 tuổi | 122 | 135 | 134 | 118 | 102 |
| 13 | Trẻ em từ 4-5 tuổi | 186 | 174 | 176 | 151 | 141 |
| 14 | Trẻ em từ 5-6 tuổi | 179 | 195 | 185 | 184 | 153 |

**Phần II**

**TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA NHÀ TRƯỜNG**

1. **ĐẶT VẤN ĐỀ**

**1. Tình hình chung của nhà trường**

Trường Mầm non Chiềng Chăn là trường mầm non công lập, đóng tại xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn; được thành lập từ năm 2005 theo Quyết định số 826/QĐ-UBND ngày 19/8/2005 của Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn.

Trong những năm qua, Cán bộ quản lý nhà trường luôn chú trọng đẩy mạnh công tác xã hội hóa, tận dụng mọi nguồn lực đầu tư cho công tác xây dựng cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng dạy học, vì thế, khuôn viên trường, lớp ngày càng khang trang, xanh, sạch, an toàn, thân thiện. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ngày càng được nâng cao. Năm học 2019-2020 Trường Mầm non Chiềng Chăn được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen về chuyên đề “Xây dựng trường mâm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2016-2019. Năm học 2020-2021 nhà trường được UBND tỉnh tặng Bằng khen là tập thể lao động xuất sắc. Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 Chi bộ Trường Mầm non Chiềng Chăn được đánh giá, xếp loại chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Nhà trường gồm 08 điểm trường (điểm trường trung tâm và 07 điểm lẻ tại các bản Tong Tải, Nậm Luông, Yên Bình, Sài Lương, Tong Chiêng, Chan Chiềng và bản Sy). Tổng diện tích của các điểm trường là 11.407.7m2, trong đó tổng diện tích các phòng học là 1.548 m2, diện tích sân chơi là 1,823 m2. Diện tích sàn bình quân tối thiểu cho 1 trẻ là 3m2/trẻ.

Các điểm trường có bản được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Tổng số có 20 phòng (18 phòng học kiên cố, 02 phòng bán kiên cố); 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 phòng họp, 01 phòng bảo vệ, 01 phòng kidsmart, 01 phòng nghệ thuật, 01 phòng Giáo dục thể chất, 01 phòng y tế, 01 bếp ăn; có hàng rào, có cổng, biển trường, sân chơi, luôn được vệ sinh sạch sẽ. Trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy đảm bảo. Bộ thiết bị dành riêng cho lớp 5 tuổi đảm bảo theo Thông tư số 02/TT-BGDĐT, các lớp còn lại chủ yếu là do các giáo viên tự làm số đồ dùng tương đối đảm bảo về số lượng đáp ứng cho công tác chăm sóc, giáo dục trẻ theo yêu cầu.

Đặc biệt năm 2020, nhà trường được đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhà lớp học điểm Nà Phường (Trung tâm) gồm: nhà lớp học 2 tầng 4 phòng; cải tạo nhà lớp học 01 tầng 3 phòng học; cải tạo nhà lớp học 1 tầng 1 phòng học tổng trị giá 3.000.000.000 đồng được đầu tư từ ngân sách nhà nước; hệ thống mạng internet đảm bảo sử dụng thuận lợi ở các điểm Trung tâm và Sài Lương, có một hệ thống máy tính, máy in gồm (06 máy tính, 05 máy in, 02 máy chiếu) đủ đáp ứng cho công tác quản lý và giảng dạy.

Năm học 2021-2022, trường có 20 nhóm, lớp (16 lớp, 04 nhóm); 457 học sinh (Nhà trẻ 61, Mẫu giáo 396): Trung tâm 05 nhóm, lớp; 133 học sinh (1 nhóm trẻ 21; 04 lớp mẫu giáo 112); Tong Tải 02 lớp, 43 học sinh; Nậm Luông 01 lớp, 14 học sinh ; Yên Bình 04 nhóm, lớp; 84 học sinh (1 nhóm 12, 3 lớp 72); Sài Lương 03 nhóm, lớp; 65 học sinh (1 nhóm 18, 2 lớp 47 học sinh); Tong Chiêng 01 ghép lớp 32 học sinh; Chan Chiềng 02 nhóm, lớp; 47 học sinh (1 nhóm 10 học sinh, 01 lớp 37 học sinh); bản Sy 02 lớp, 36 học sinh.

Trường có 03 tổ chuyên môn (Nhà trẻ và Mẫu giáo bé; Mẫu giáo nhỡ; Mẫu giáo lớn). Tổng số có 38 CBQL, GV, NV. Trình độ đại học 23, cao đẳng 08, trung cấp 04 *(đang học đại học, cao đẳng 02);*03nhân viên (01 kế toán, 01 phục vụ, 01 bảo vệ) chưa qua đào tạo; 09 GV dạy giỏi cấp huyện; 04 GV dạy giỏi cấp tỉnh.

Chi bộ nhà trường gồm 13 đảng viên, 5 năm liền (*từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021*) chi bộ luôn được đánh giá, xếp loại chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo trong toàn bộ hoạt động của nhà trường.

Công đoàn gồm 38 công đoàn viên. Trong đó: CBQL: 03 đồng chí; Giáo viên: 32 đồng chí; Nhân viên 03 đồng chí. Năm 2017-2018, 2019-2020, được Liên đoàn Lao động tỉnh tặng Bằng khen.

Nhà trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, chất lượng giáo dục hàng năm: Phát triển thể chất đạt 97,8%, Phát triển nhận thức đạt 96,3%; Phát triển ngôn ngữ đạt 96,4%; Phát triển tình cảm – kỹ năng xã hội đạt 97,4%; Phát triển thẩm mỹ đạt 98,7%; 89,0% trẻ đến trường, lớp được học 2 buổi/ngày; trong đó 187 trẻ được ăn bán trú tập trung tại trường; 163 trẻ được ăn bán trú dân nuôi tại trường. Công tác phổ cập được duy trì, tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,2%;

**2. Mục đích tự đánh giá**

Xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục của nhà trường trong từng năm học, làm cơ sở để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường. Từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng một cách phù hợp, đảm bảo tính khả thi; đồng thời làm cơ sở để tham mưu các cấp quản lý tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng để nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Giúp CBQL, GV, NV trong nhà trường hiểu rõ hơn mục đích, ý nghĩa và bản chất của công tác tự đánh giá nói riêng và kiểm định chất lượng giáo dục nói chung; từ đó xác định đúng đắn động cơ, có thái độ làm việc khoa học, hợp tác, đoàn kết hoàn thành nhiệm vụ được giao

**3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG**

Thực hiện Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT về kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục mầm non, Công văn số 5942/BGDĐT ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tự đánh giá và đánh giá ngoài trường mầm non, hàng năm, Trường Mầm non Chiềng Chăn đã ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Trong các năm học, Hội đồng tự đánh giá của nhà trường đã xây dựng Kế hoạch tự đánh giá, tập huấn triển khai công tác tự đánh giá đến toàn thể CB. GV, NV trong trường; phân công nhiệm vụ; tiến hành thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng; đánh giá theo các tiêu chí và viết báo cáo tự đánh giá; tổ chức lấy ý kiến, hoàn thiện báo cáo tự dánh giá và công khai kết quả; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, triển khai thực hiện công tác cải tiến chất lượng theo kế hoạch.

 Theo nhiệm vụ được giáo, các nhóm tự dánh giá theo từng tiêu chuẩn/tiêu chí đã tiến hành tự đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó chủ yếu là phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường, sưu tầm thông tin, minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích các dữ liệu có liên quan. Sau khi tự đánh giá thấy được những điểm mạnh, điểm yếu nổi bật của nhà trường trong việc đáp ứng những yêu cầu của từng tiêu chí trong mỗi tiêu chuẩn, từ đó Cán bộ quản lý nhà trường có kế hoạch cụ thể cho việc cải tiến chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ trong nhà trường. Đồng thời cũng qua kết quả tự đánh giá từng tiêu chí, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục trong từng thời điểm và trong chiến lược phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, đề xuất những biện pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục của nhà trường trong từng giai đoạn, qua đó tiến hành điều chỉnh các hoạt động cũng như công tác quản lý phù hợp với thực tế, với yêu cầu của ngành và xã hội, tích cực cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục.

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**I. Tự đánh giá Mức 1, Mức 2 và Mức 3**

**1. Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu:**

Trường Mầm non Chiềng Chăn là trường công lập, có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ Trường Mầm non. Các tổ chức, tổ chuyên môn được thành lập và đi vào hoạt động có nền nếp, cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục cấp trên. Nhà trường quản lý hành chính, tài chính, tài sản theo quy định; có đủ hồ sơ, sổ sách và được lưu trữ đầy đủ; sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ cho các hoạt động giáo dục. Nhà trường có xây dựng phương hướng chiến lược dài hạn để phát triển nhà trường; Kế hoạch hoạt động giáo dục được xây dựng theo tuần, tháng, năm học phù hợp với các quy định hiện hành, điều kiện của địa phương và của nhà trường. Tổ chức đầy đủ các hoạt động lễ hội, Hội thi trong năm học phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, của nhà trường. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra đánh giá thực hiện kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ và các hoạt động giáo dục khác đạt hiệu quả. Thực hiện quản lý đội ngũ, quản lý giáo dục theo quy định. Nhà trường chú trọng thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

**Tiêu chí 1.1**: **Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

*Mức 1*

*a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

*Mức 2*

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

*Mức 3*

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1**

a) Nhà trường đã xây dựng phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường giai đoạn 2019 - 2025 phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật Giáo dục **[H1-1.1-01]**

Chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường bám sát định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Mai Sơn và xã Chiềng Chăn theo Nghị quyết Đảng bộ huyện Mai Sơn nhiệm kỳ 2015 - 2020; Nghị quyết Đại hội đảng bộ của xã Chiềng Chăn nhiệm kỳ 2015 - 2020, phù hợp với các nguồn lực về đội ngũ, cơ sở vật chất của nhà trường trong từng giai đoạn **[H1-1.1-05];**

b) Chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mai Sơn phê duyệt **[H1-1.1-01];**

c) Chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường được phổ biến tới toàn thể CB, GV, NV trong nhà trường **[H1-1.1-06];** được niêm yết tại bảng tin trường và đăng trên trang Web của nhà trường <http://mnchiengchan.gdmaison.edu.vn>.  **[H1-1.1-07]**

**Mức 2**

 Nhà trường thực hiện các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường như: hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học bám sát các mục tiêu trong kế hoạch chiến lược phát triển, rà soát các chỉ tiêu hàng năm và thường xuyên trao đổi cập nhật tình hình kinh tế, chính trị xã hội của xã Chiềng Chăn và cộng đồng dân cư trong xã trên địa bàn trường đóng; trực tiếp xin ý kiến của lãnh đạo xã Chiềng Chăn về công tác phát triển nhà trường trong từng năm học; thành lập tổ giám sát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả hiệu lực việc thực hiện mục tiêu theo lộ trình thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường, có trách nhiệm chỉ đạo và phối hợp giải quyết những công việc liên quan đến thực hiện phương hướng, chiến lược; giám sát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả việc thực hiện mục tiêu phát triển theo kế hoạch đề ra **[H1-1.1-02]; [H1-1.1-03];**

 **Mức 3**

Nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá kết quả đạt được mục tiêu của nhà trường theo lộ trình trong từng năm học và cả giai đoạn, từ đó điều chỉnh, bổ sung phù hợp với thực tiễn điều kiện nhà trường hiện có. Quá trình điều chỉnh có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, đại diện cha mẹ trẻ, chính quyền địa phương và toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên...viên **[H1-1.1-08]; [H1-1.1-09];**

**2. Điểm mạnh**

 Chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường giai đoạn 2019 - 2025 được xây dựng phù hợp mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Mai Sơn và xã Chiềng Chăn. Chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường được phòng GD&ĐT phê duyệt, được định ký rà soát, bổ sung, điều chỉnh và cụ thể hóa trong kế hoạch pát triển giáo dục theo từng năm học.

Trong quá trình xây dựng Chiến lược xây dựng và phát triển, nhà trường luôn nhận được sự tham gia ý kiến đóng góp của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và đông đảo nhân dân trong cộng đồng.

 **3. Điểm yếu**

Việc phổ biến nội dung Chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường tới đông đảo nhân dân xã Chiềng Chăn chưa được thường xuyên

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| Thường xuyên phối hợp, tham mưu chính quyền các thôn/bản phổ biện nội dung Chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường trong các kỳ họp thường xuyên, định kỳ của thôn/bản. | Hiệu trưởng  | Kế hoạch | Trong năm học |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

 **Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác**

*Mức 1:*

 a*) Được thành lập theo quy định;*

 *b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*

 *c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá*.

*Mức 2:*

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

a) Hội đồng trường nhiệm kỳ 2016 - 2021 được thành lập theo Quyết định số 2431/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của UBND huyện Mai Sơn **[H2-1.2-01]**; Có quyết định công nhận chức danh Chủ tịch hội đồng trường **[H2-1.2-02]**; Có quyết định công nhận chức danh thư ký hội đồng trường **[H2-1.2-03]**;

Hàng năm, Hiệu trưởng nhà trường ban hành Quyết định thành lập: Hội đồng Thi đua khen thưởng **[H2-1.2-10]**; Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở **[H2-1.2-15]**; Hội đồng tuyển sinh **[H2-1.2-20];** Hội đồng tự đánh giá **[H2-1.2-25]**;

b) Các Hội đồng đã xây dựng quy chế làm việc phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định tại Điều lệ trường mầm non. **[H2-1.2-04]**; **[H2-1.2-11]**; **[H2-1.2-16]**; **[H2-1.2-21]**;

Hội đồng trường thực hiện chức năng nhiệm vụ, quyền hạn để quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, các dự án, kế hoạch đầu tư và phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn và từng năm học **[H2-1.2-05]**; quyết nghị về tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản của nhà trường **[H2-1.2-07]**; giám sát các hoạt động của nhà trường. **[H2-1.2-08]**;

Hội đồng Thì đua khen thưởng đã giúp Hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua, giám sát công tác thi đua, xét duyệt, đề nghị khen thưởng CB, GV, NV và học sinh trong nhà trường **[H2-1.2-12]**; **[H2-1.2-13]**;

Hội đồng sáng kiến kinh nghiệm căn cứ số lượng sáng kiến kinh nghiệm của CB, GV, NV để phân công chấm phù hợp. Các cá nhân được phân công chấm SKKN cấp trường có nhiệm vụ nghiên cứu các văn bản để chấm SKKN công bằng, dân chủ, khách quan và có chất lượng. Sau khi chấm xong, Hội đồng có nhiệm vụ tổ chức nghiệm thu các sáng kiến theo quy định **[H2-1.2-17]**;

Hội đồng tuyển sinh có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch tuyển sinh, thông báo công khai kế hoạch tuyển sinh đến toàn bộ các bậc phụ huynh trên địa bàn xã Chiềng Chăn **[H2-1.2-22]**; Tổ chức và tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh theo quy định; Tổng hợp kệt quả tuyển sinh về nhà trường **[H2-1.2-23]**;

Hội đồng tự đánh giá đã Kế hoạch, triển khai công tác tự đánh giá trường mầm non, theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường mầm non. **[H2-1.2-26]**; Hội đồng có biên bản kiểm tra của Phòng GD&ĐT huyện Mai Sơn **[H2-1.2-27]**; Các nhóm có đầy đủ các phiếu đánh giá từng tiêu chí và tiêu chuẩn theo đúng quy định **[H2-1.2-28]**;

c) Trong từng năm học, các Hội đồng đã tổ chức rà soát, đánh giá định kỳ; kịp thời bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện các chức năng, nhiệm vụ và tổ chức các hoạt động **[H2-1.2-07]**; **[H3-1.2-08]**;

**Mức 2**

Hội đồng trường đã hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ, kịp thời ra các nghị quyết chỉ đạo nhà trường phát triển đúng hướng, hoàn thành thành tốt được mục tiêu giáo dục mầm non và nhiệm vụ được giao **[H2-1.2-06]**; **[H2-1.2-09]**;

Hội đồng Thi đua khen thưởng đã tham mưu, giúp hiệu trưởng hoàn thành nhiệm vụ (phát động thi đua, đôn đốc, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, bình xét kết quả thi đua theo từng giai đoạn. **[H2-1.2-12]**; **[H2-1.2-13]**; **[H2-1.2-14]**;

Hội đồng sáng kiến kinh nghiệm đã thẩm định, đánh giá hiệu quả, mức độ, phạm vi ảnh hưởng của sang kiến đối với cá nhân thuộc đơn vị trường **[H2-1.2-18]**; Đề xuất Hiệu trưởng công nhận sang kiến cấp trường để làm một trong những căn cứ, đánh giá phân loại công chức viên chức và trình lên cấp trên có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định **[H2-1.2-19]**;

Hội đồng tuyển sinh đã xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyển sinh theo đúng chỉ đạo của cấp trên **[H2-1.2-24]**;

Hội đồng tự đánh giá đã triển khai tự đánh giá và tư vấn cho Hiệu trưởng biện pháp nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; Xây dựng kế hoạch tự đánh giá, thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí, viết báo cáo tự đánh giá, bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá, công bố báo cáo tự đánh giá, lưu trữ cơ sở dữ liệu về tự đánh giá **[H2-1.2-29]**;

**2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác; các Hội đồng đã thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ; Hoạt động của các hội đồng có hiệu quả cao, đặc biệt là công tác chỉ đạo thực hiện nâng cao chất lượng, chăm sóc trẻ. Định kỳ rà soát, đánh giá theo từng kì học, năm học.

**3. Điểm yếu**

Công tác tuyển sinh của hội đồng tuyển sinh nhà trường chưa tuyển sinh triệt để số trẻ trong độ tuổi ra lớp. Do một số trẻ theo bố mẹ làm ăn xa, một số trẻ 2 tuổi, 3 tuổi nhà cách xa điểm trường nên trẻ chưa ra lớp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| Tiếp tục duy trì hoạt động của các Hội đồng trong nhà trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định; phối hợp chặt chẽ giữa các hội đồng để nhằm đạt mục tiêu chất lượng giáo dục đặt ra trong giai đoạn 2019-2025 | Các thành viên trong các HĐ | Các cuộc họp nhà trường | Trong năm học |
| Hàng năm điều tra kỹ trẻ trong độ tuổi đi học tuổi trên địa bàn, đến từng nhà nắm bắt tình hình, tuyên truyền về tầm quan trọng của việc cho trẻ đến lớp, vận động gia đình cho trẻ ra lớp để xây dựng kế hoạch tuyển sinh phù hợp cho năm học sau. | CB, GV  | Kế hoạch tuyển sinh | Trong năm học |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

***Tiêu chí 1****.****3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường***

*Mức 1*

*a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo qui định.*

 *b) Các hoạt động theo quy định*

 *c) Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá*

*Mức 2*

*a*) *Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo qui định; trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.*

 *b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

*Mức 3*

 a*) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng* sản *Việt Nam các năm đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, trở lên; không có năm nào hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ.*

 *b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng;*

**1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1**

 a) Tại thời điểm tự đánh giá các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định.

Trong quá trình hoạt động, nhà trường luôn nhận được sự lãnh đạo toàn diện, triệt để và sâu sắc của chi bộ Đảng: Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên, có Quyết định chuẩn y Bí thư chi bộ theo QĐ số 146-QĐ/ĐU ngày 14/02/2020 của Đản ủy xã Chiềng Chăn. **[H3-1.3-16]**; **[H3-1.3-17]**

Chi bộ thực hiện tốt kế hoạch hàng tháng, thực hiện chế độ sinh hoạt 1 tháng/1 lần. Có đầy đủ hồ sơ theo quy định **[H3-1.3-18]**;

Công đoàn có 38 đoàn viên công đoàn, trong đó Ban chấp Công đoàn cơ sở có 5 đồng chí do đồng chí Phạm Bích Ngọc giữ chức vụ Chủ tịch Công đoàn; đồng chí Lò Thị Loan giữ chức vụ Phó Chủ tịch. Liên đoàn lao động huyện Mai Sơn công nhận Ban chấp hành Công đoàn nhà trường theo Quyết định số 193/QĐ-CĐGD ngày 29/04/2017 về việc chuẩn y kết quả bầu Ban chấp hành Công đoàn nhà trường nhiệm kỳ 2017-2022 và Quyết định số 344/QĐ-LĐLĐ ngày 21/9/2021 về việc công nhận bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ủy ban kiểm tra và các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Công đoàn cơ sở trường MN Chiềng Chăn khóa IV, nhiệm kỳ 2017-2022 **[H3-1.3-01]; [H3-1.3-02]**.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 18 đoàn viên (*chiếm 47,4%)* tổng số cán bộ, giáo viên và nhân viên, Ban chấp hành Chi đoàn có 03 đồng chí và theo Quyết định số 22-QĐ/ĐXCC ngày 02/10/2009; Quyết định số 32- QĐ/ĐTN ngày 02/11/2020của Ban chấp hành Đoàn xã Chiềng Chăn về thành lập Chi đoàn và công nhận chức danh Bí thư, phó bí thư chi đoàn Trường Mầm non Chiềng Chăn **[H3-1.3-09]; [H3-1.3-10];**

b) Công đoàn cơ sở trường hoạt động theo đúng quy định, theo Quyết định số 174/QĐ-TLĐ ngày 03/02/2020 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc ban hành điều lệ Công đoàn Việt Nam (khóa XII) **[H3-1.3-03];**

Công đoàn có đầy đủ kế hoạch, biên bản và các loại hồ sơ thực hiện các hoạt động của công đoàn. **[H3-1.3-04]; [H3-1.3-05]**

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoạt động theo đúng điều lệ tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thông qua ngày 13/12/2017. **[H3-1.3-11];**

Có đầy đủ các kế hoạch hoạt động, Qui chế tổ chức hoạt động theo đúng Điều lệ đoàn **[H3-1.3-12]; [H3-1.3-13]**

- Chi Bộ trường Mần non Chiềng Chăn hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Đảng Cộng Sản Việt Nam nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục. **[H3-1.3-20]**

Chi bộ có đầy đủ kế hoạch hoạt động và kế hoạch kiểm tra, giám sát theo từng nhiệm kỳ và từng năm học. **[H3-1.3-21]; [H3-1.3-22];**

c) Hàng năm Chi bộ và các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên đều rà soát, đánh giá cuối tháng, kỳ, giai đoạn. Được các cấp lãnh đạo ghi nhận và đánh giá cao. **[H3-1.3-08]; [H3-1.3-15]; [H3-1.3-24]**

**Mức 2**

a) Chi bộ có Bí thư, Phó Bí thư và 13 đảng viên chính thức **[H3-1.3-19]**

Hàng năm Chi bộ được đánh giá hoàn thành hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (100% cán bộ đảng viên được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm trở lên) **[H3-1.3-23]; [H3-1.3-24];**

b) Công đoàn, Đoàn thanh niên đã đóng góp rất hiệu quả trong công tác nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, phát hiện, bồi dưỡng quần chúng ưu tú cho Đảng; 100% công đoàn viên thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua, nhiều năm liên tục Công đoàn trường được Liên đoàn Lao động Huyện tặng giấy khen **[H3-1.3-06]; [H3-1.3-14]**

**Mức 3**

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trong 04 năm 2018, 2019, 2020, 2021 tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam nhà trường đạt danh hiệu “*Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*”; **[H3-1.3-24];**

b) Các tổ chức đoàn thể khác đóng góp có hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng. Hàng năm Công đoàn, Đoàn thanh niên đã tích cực đóng góp tiền của, sức lao động tham gia ủng hộ nhân dân bị lũ lụt thiên tai, liên hệ với thôn, bản, tiểu khu giúp đỡ gia đình có hoàn cảnh khó khăn và những học sinh bị mắc bệnh hiểm nghèo, mồ côi... **[H3-1.3-08]; [H3-1.3-15].**

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ Trường Mầm non. Chi bộ được đánh giá hoàn thành hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Các tổ chức đoàn thể hoạt động mạnh mẽ, hiệu quả, góp phần thúc đẩy sự phát triển của nhà trường và nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, là hạt nhân trong các phong trào thi đua trong nhà trường.

Công đoàn, Đoàn thanh niên luôn đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng. Các thành viên đều nhiệt tình, trách nhiệm trong công việc, yên tâm công tác và luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

 **3. Điểm yếu**

Thời lượng tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao của Đoàn thanh niên chưa thường xuyên do trường có nhiều điểm lẻ, khoảng cách giữa các điểm xa nhau, lại tổ chức dạy học 2 buổi trên ngày nên khó tập trung.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Tăng cường tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, huy động sự tham gia của tất cả CB, GV, NV trong nhà trường. Bố trí xen kẽ các buổi tập để giáo viên các điểm cắt cử nhau trông lớp và về trung tâm tập luyện phù hợp.  | CB, GV, NV trong nhà trường | Kế hoạch hoạt động văn hóa, thể thao | Trong năm học | 5.000.000 |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

***Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng***

*Mức 1*

 *a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo qui định*

 *b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo qui định*

 *c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo qui định.*

 *Mức 2*

*a) Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục*

 *b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh*

 *Mức 3*

*a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*

*b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1**

a) Đến thời điểm tự đánh giá, nhà trường có Hiệu trưởng và đủ số lượng, Phó hiệu trưởng (02) theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT–BGDĐT-BNV ngày 16/2/2015 quy định về khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong cơ sở giáo dục mầm non công lập. **[H4-1.4-01]; [H4-1.4-02];**

 b) Đầu các năm học, hiệu trưởng ban hành Quyết định về việc bổ nhiệm các tổ trưởng 3 tổ chuyên môn (khối nhà trẻ, 3 tuổi; khối mẫu giáo 4 tuổi; khối mẫu giáo 5 tuổi) và 01 tổ văn phòng **[H4-1.4-03]; [H4-1.4-04];**

 c) Trong từng năm học, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động rõ ràng, cụ thể theo tuần/tháng/năm học.

Kế hoạch của các tổ chuyên môn đã bám sát nộ dung kế hoạch chuyên môn của nhà trường

Các tổ chuyên môn, văn phòng đã triển khai đầy đủ nội dung kế hoạch hoạt động tuần/tháng/năm học, tập trung thực hiện tốt nhiệm vụ nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ **[H4-1.4-05]; [H4-1.4-06].**

**Mức 2**

a) Hằng năm, mỗi tổ chuyên môn đã đề xuất 1 chuyên đề chính được tổ chức thực hiện trong năm học, nội dung các chuyên đề đã bám sát văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học của Sở và Phòng GD&ĐT Mai Sơn **[H4-1.4-07];**

b) Trong các năm học, hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh theo từng tháng/học kỳ **[H4-1.4-05]; [H4-1.4-06].**

**Mức 3**

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng đã đóng góp có hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường **[H4-1.4-08].**

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn, tổ chức dự giờ, kiểm tra các hoạt động bằng nhiều hình thức như kiểm tra đột xuất, định kỳ; phát huy khả năng sáng tạo của từng thành viên. Việc triển khai nội dung các chuyên đề của các tổ chuyên môn đã góp phần tạo ra những chuyển biến tích cực trong việc đổi mới phương pháp nuôi dạy trẻ, giúp giáo viên có thái độ tích cực trong việc xác định rõ nội dung, mục tiêu của từng hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng lượng giáo dục và chăm sóc trẻ **[H4-1.4-07]; [H4-1.4-08].**

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy có Hiệu trưởng, đủ số lượng phó hiệu trưởng, đủ các tổ chuyên môn và tổ văn phòng theo quy định.

Kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ của các tổ đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

Hoạt động của các tổ chuyên môn và tổ văn phòng hằng năm được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Các tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được các cấp quản lý ghi nhận và đánh giá cao.

**3. Điểm yếu**

Việc bố trí, sắp xếp lượng thời gian dành cho sinh hoạt tổ chuyên môn đôi khi còn chưa thực sự khoa học.

**4. Kếhoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| Hiệu trưởng nhà trường bố trí thời gian dành cho sinh hoạt tổ chuyên môn phù hợp, chỉ đạo các tổ chuyên môn đổi mới hình thức sinh hoạt chuyên môn bằng văn bản, tổ chức trao đổi qua nhóm zalo trước khi họp chính thức nhằm rút ngắn thời gian họp trực tiếp. | Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn, các tổ trưởng chuyên môn | Kế hoạch họp tổ chuyên môn | Trong năm học |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

 **Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo**

*Mức 1*

 *a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ Trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;*

*b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 2 buổi/ ngày;*

*c) Mỗi nhóm trẻ lớp mẫu giáo có không quá 02 trẻ cùng một dạng khuyết tật*

 *Mức 2*

*Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.*

*Mức 3*

*Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

a) Trong các năm học, các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đều được nhà trường được phân chia theo độ tuổi*;*

Năm học 2021 - 2022, tại 08 điểm trường, nhà trường có tổng số 457 học sinh, được chia thành 20 nhóm/lớp, trong đó có 04 nhóm trẻ với 61 học sinh; 16 lớp mẫu giáo với 396 học sinh *(trong đó: mẫu giáo 3 tuổi đơn: 41 trẻ/2 lớp; mẫu giáo 4 tuổi đơn: 49 trẻ/2 lớp, mẫu giáo 5 tuổi đơn: 70 trẻ/2 lớp; mẫu giáo ghép 3+4: 61 trẻ/3 lớp; mẫu giáo ghép 4+5: 59 trẻ/3 lớp; mẫu giáo ghép 3+4+5: 116 trẻ/4 lớp* **[H1-1.1-02]**; **[H5-1.5-02]**

b) Tất cả các nhóm lớp trẻ của nhà trường đều được tổ chức học 2 buổi trên ngày **[H3-1.1-04]**.

c) Năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 nhà trường có tổng là 08 trẻ khuyết tật học hòa nhập; Năm học 2017-2018 nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập **[H5-1.1-03]**; **[H5-1.1-04]**.

 **Mức 2**

 Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo nhà trường không vượt quá quy định: Nhà trẻ đông nhất là 21 trẻ/lớp; mẫu giáo 3 tuổi đơn: 22 trẻ/ lớp, mẫu giáo 4 tuổi đơn: 25 trẻ/lớp; mẫu giáo 5 tuổi đơn: 35 trẻ/lớp **[H5-1.1-04]**; **[H5-1.1-01]**

**Mức 3**

Tông số nhà trường có 20 nhóm/lớp, đảm bảo so với quy định **[H5-1.1-03]**;

**2. Điểm mạnh**

Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; được tổ chức học 2 buổi/ ngày

Mỗi nhóm trẻ lớp mẫu giáo có không quá 02 trẻ cùng một dạng khuyết tật; Trẻ khuyết tật được học hòa nhập đúng độ tuổi, có kế hoạch giáo dục riêng, được đánh giá thường xuyên.

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi. Nhà trường có không quá 20 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

 **3. Điểm yếu**

 Do địa bàn xã Chiềng Chăn rộng, các điểm lẻ của trường dân cư nằm rải rác không tập trung, một số hộ gia đình chưa tạo điều kiện cho con đến lớp nên nhà trường vẫn còn trẻ học ở lớp ghép 2 độ tuổi và 3 độ tuổi.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| Tiếp tục tham mưu với UBND huyện trong công tác xây dựng cơ sở vật chất, tập trung huy động trẻ ra lớp đảm bảo duy trì sỹ số 100% phấn đấu 50% số trẻ ăn bán trú tại trường. | BGH, Hiệu phó chuyên trách | Các văn bản hướng dẫn; Nghị quyết số 78/2018/NQ-HĐND tỉnh Sơn La | Trong năm học |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

 **Tiêu chí 1.6**: **Quản lý hành chính, tài chính và tài sản**

*Mức 1*

*a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*

*b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; Công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

 *c) Quản lý sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục*.

 *Mức 2*

 *a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

 *b) 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

 *Mức 3*

*Có Kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường thực tế địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo Luật lưu trữ và Thông tư số 09/2011/TT-BNV ngày 03/6/2011 của Bộ Nội vụ quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức; Thông tư số 27/2017/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục **[H6-1.6-01]; [H6-1.6-02]; [H6-1.6-03].**

b) Hằng năm nhà trường lập dự toán ngân sách, được Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Mai Sơn phê duyệt và cấp ngân sách **[H6-1.6-04]**; **[H6-1.6-08].**

Thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập **[H6-1.6-07]; [H6-1.6-09].**

Thực hiện quyết toán tài chính theo Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ Tài chính **[H6-1.6-05].**

Nhà trường làm tốt công tác công khai tài chính và theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính như: Công khai dự toán thu- chi ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền giao và nguồn kinh phí khác; công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước (quý, 6 tháng, năm); công khai thuyết minh Quyết toán ngân sách Nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; công khai thu chi tài chính theo Thông tư 36/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT **[H6-1.6-05].**

Hàng năm nhà trường bổ sung, ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành, được thông qua Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức **[H6-1.6-09].**

c) Quản lý và sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích để phục vụ các hoạt động giáo dục theo đúng chức năng và thẩm quyền được giao **[H6-1.6-06]; [H6-1.6-07];** đồng thời nâng cao hiệu quả cơ chế tự chủ tài chính, tự chịu trách nhiệm**;**Thực hiện nghiêm túc quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế sử dụng tài sản công nhằm nâng cao hiệu quả cơ chế tự chủ tài chính **[H6-1.6-05].**

 **Mức 2**

a) Bộ phận kế toán của nhà trường hiện đang sử dụng phần mềm kế toán; Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng phụ trách sử dụng tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.

 b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm hiện tại, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản, không có đơn thư khiếu kiện về tài chính, tài sản **[H6-1.6-10]; [H6-1.6-11].**

**Mức 3**

Nhà trường đã ban hành kế hoạch huy động tài chính để xây dựng cơ sở vật chất (*ngắn hạn, trung hạn, dài hạn*) **[H6-1.6-08].**

 **2. Điểm mạnh**

Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo Luật Lưu trữ và hướng dẫn của ngành. Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định. Hàng năm nhà trường bổ sung, cập nhật quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành và được thông qua trong hội nghị cán bộ, công chức, viên chức.

Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

 **3. Điểm yếu**

Việc nhập, lưu hồ sơ tài chính đôi khi chưa kịp thời do kế toán thực hiện nhiệm vụ của 2 trường (Trường Mầm non Chiềng Chăn và trường Tiểu học và Trung học cơ sở Chiềng Chăn)

 **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| Phối hợp với đơn vị (*chung nhân viên kế toán*) bố trí thời gian/lịch làm việc của nhân viên ké toán phù hợp; chỉ đạo nhân viên kế toán cập nhật kịp thời hồ sơ tài chính trong phần mềm kế toán. | BGH, kế toán | Kế hoạch công việc | Trong năm học |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

 **Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên**

*Mức 1*

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*

 *c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

 *Mức 2*

*Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1**

a) Trong từng năm học, nhà trường đều ban hành kế hoạch phát triển đội ngũ như bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Tạo điều kiện cho CBQL, GV, NV được tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao lý luận, nâng cao chất lượng trong việc thực hiện Chương trình GDMN, chất lượng chăm sóc, nuôi dướng, giáo dục trẻ; phát huy năng lực trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, tin học để đủ điều kiện với tiêu chuẩn nâng hạng chức danh nghề nghiệp dành cho công chức, viên chức của nhà trường **[H7-1.7-01]; [H1-1.1-03].**

b) Hàng năm, Hiệu trưởng ban hành quyết định phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, phù hợp với năng lực từng người và đảm bảo tính hiệu quả **[H7-1.5-03]; [H7-1.7-06]**

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại khoản 1,2, 3,4,5 của Điều lệ Trường Mầm non theo *(Văn bản hợp nhất số 04/HN-BGDĐT- ngày 24/12/2015 của Bộ Giáo dục Đào tạo)* như: Được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ **[H7-1.7-01]**

Được tham gia các lớp bồi dưỡng hè, được học tập bồi dưỡng thường xuyên **[H7-1.7-02]; [H7-1.7-04]**

Được hưởng lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật khi được cử đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo. Nhà trường đã nghiêm túc thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí Công đoàn cho 100% CBQL, GVMN, NV được tuyển dụng chính thức vào làm việc theo quy định của Nhà nước. **[H7-1.7-07]**

Công đoàn nhà trường quan tâm kịp thời đến quyền lợi cá nhân, nhân phẩm cũng như danh dự của CBQL, GVMN, NV **[H7-1.7-08].**

**Mức 2**

Nhà trường ban hành các Quyết định giao nhiệm vụ trong năm học và các nhiệm vụ đột xuất đúng với năng lực, sở trường của CBQL, GVMN, NV để phát huy được tối đa năng lực trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. Có kế hoạch bồi dưỡng CBQL, GVMN, NV có năng lực, có tính lan tỏa, có khả năng chia sẻ để bồi dưỡng là cán bộ, giáo viên cốt cán làm nòng cốt trong nhà trường. **[H7-1.7-03];** **[H7-1.7-05]**

**2. Điểm mạnh**

 Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho CBQL, GVMN, NV. Phân công sử dụng CBQL, GVMN, NV rõ ràng, hợp lý, hiệu quả và phù hợp với trình độ, năng lực đội ngũ giáo viên. Quan tâm bồi dưỡng, phát triển đội ngũ hàng năm. Đảm bảo quyền lợi, chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Chú trọng phát huy năng lực CBQL, GVMN, NV nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ trong nhà trường;

 **3. Điểm yếu**

Hình thức hướng dẫn giáo viên tự học, tự bồi dưỡng chưa phong phú.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| - Trong năm 2021 -2022 và các năm tiếp theo nhà trường vận dụng các hình thức (học trực tuyến theo mô đun; học trên mạng Youtobe) một số kênh chính thống để triển khai, hướng dẫn giáo viên tự học, nghiên cứu các chuyên đề mới, sử dụng tài liệu BDTX và hệ thống sổ sách quản lý trường mầm non. | BGH, tổ trưởng chuyên môm, GV | Tài liệu BDTX, mạng internet, hệ thống sổ sách quản lý trường mầm non. | Trong năm học |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

 **Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục**

*Mức 1*

*a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

 *b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

 *c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời*.

 *Mức 2*

 *Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1**

a) Trong các năm học, nhà trường đã ban hành Kế hoạch giáo dục theo Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ GD&ĐT; Số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ GD&ĐT (*được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009*).

Kế hoạch giáo dục của nhà trường, lớp phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và điều kiện về CSVC, đội ngũ của nhà trường **[H1-1.1-03]; [H7-1.8-01]; [H7-1.8-03].**

b) Hàng năm, nhà trường đã tổ chức thực hiện đầy đủ, có hiệu quả tất cả các nội dung theo kế hoạch giáo dục đã ban hành **[H1-1.1-04];**

c) Định kỳ hàng tháng/học kỳ, nhà trường đã tổ chức đánh giá việc thực hiện các nội dung của kế hoạch, trên cơ sở đó, điều chỉnh, xây dựng kế hoạch hoạt động cho tháng/học kỳ tiếp theo **[H7-1.8-02]; [H7-1.8-04]**

**Mức 2**

Thường xuyên tổ chức các hoạt động kiểm tra, đánh giá tiến độ, chất lượng các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ **[H7-1.8-05].**

Công tác chỉ đạo triển khai các nội dung của kế hoạch giáo dục và các biện pháp kiểm tra đánh giá chất lượng công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ được UBND xã Chiềng Chăn và phòng GD&ĐT Mai Sơn đánh giá đạt hiệu quả tốt, hàng năm đều được đánh giá, xếp loại từ hoàn thành nhiệm vụ tốt trở lên **[H5-1.5-03]; [H7-1.8-06].**

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã xây dựng và thực hiện đầy đủ nội dung kế hoạch giáo dục hàng năm, định kỳ rà soát, điều chỉnh và bổ sung kịp thời, các biện pháp chỉ đạo thực hiện đạt hiệu quả, được Phòng GD&ĐT Mai Sơn đánh giá đạt chất lượng, hiệu quả.

Trong từng năm học, kế hoạch giáo dục luôn băm sát định hướng phát triển KT–XH của địa phương xã Chiềng Chăn.

Kế hoạch được triển khai thống nhất,hiệu quả từ BGH đến các tổ chuyên môn và giáo viên; nhà trường thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra các tổ chuyên môn nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, đổi mới phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ và nâng cao chất lượng giáo dục, chăm sóc trẻ.

**3. Điểm yếu**

Hiệu quả việc triển khai nội dung "ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy" trong kế hoạch giáo dục còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| Tham mưu bổ sung kinh mua phần mềm tin học hỗ trợ công tác quản lý, giáo dục và chăm sóc trẻ | Hiệu trưởng  | Kế hoạch  | Tháng 7/2022. |
| Tập huấn, hướng dẫn CBQL, GV, NV sử dụng, ứng dụng phần mềm tin học hỗ trợ công tác quản lý, giáo dục và chăm sóc trẻ. | CBQL, GV, NV | Kế hoạch  | Tháng 10/2022 |
| Triển khai sử dụng ứng dụng phần mềm tin học hỗ trợ công tác quản lý, giáo dục và chăm sóc trẻ. | CBQL, GV, NV | Máy tính, mạng intenet | Trong năm học |
| Kiểm tra, đôn đốc việc triển khai ứng dụng phần mềm tin học hỗ trợ công tác quản lý, giáo dục và chăm sóc trẻ. | CBQL, GV, NV | Máy tính, mạng intenet | Trong năm học |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

 **Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

*Mức 1*

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

*b) Các khiếu nại, tốc cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

 *c) Hằng năm có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ*

 *Mức 2*

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện qui chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai minh bạch và hiệu quả.*

**1.Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

a) Nhà trường đã ban hành và triển khai Kế hoạch thực hiện Quy chế dân chủ trường học; mọi kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trườngđều được xin ý kiên đóng góp, tham gia rộng rãi của toàn bộ CBQL, GVMN, NV trong trường. Các ý kiến ý kiến đóng góp của CB, GV, NV đều được nghiêm túc tiếp thu, phản ánh trong việc hoàn thiện văn bản trước khi ban hành **[H7-1.7-08];** Nhà trường đã ra quyết định ban hành quy chế dân chủ trong nhà trường kèm theo quy chế dân chủ trường học **[H8-1.9-01];** Có kế hoạch thực hiện quy chế dân chủ theo từng năm học **[H8-1.9-02].**

b) Trong 5 năm học vừa qua, nhà trường không nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của CBQL, GVMN, NV, nhân dân và các bậc CMHS **[H3-1.3-06]; [H8-1.9-05].**

 c) Hằng năm, nhà trường đã ban hành báo cáo kết quả thực hiện quy chế dân chủ theo quy định của các cấp quản lý **[H8-1.9-03].**

 **Mức 2**

 Hàng năm, nhà trường đã tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường; phổ biến công khai kết quả kiểm tra, giám sát trước toàn thể CB, GV, NV trong nhà trường, đảm bảo công khai, minh bạch, rõ ràng **[H8-1.9-04]; [H8-1.9-06].**

**2. Điểm mạnh**

 Mọi kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường đều được xin ý kiên đóng góp, tham gia rộng rãi của toàn bộ CBQL, GVMN, NV trong trường. Các ý kiến ý kiến đóng góp của CB, GV, NV đều được nghiêm túc tiếp thu, phản ánh trong việc hoàn thiện văn bản trước khi ban hành

**3. Điểm yếu**

Một số giáo viên còn nhút nhát, rụt rè khi tham gia góp ý cho các hoạt động của nhà trường.

 **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| Tiếp tục duy trì việc thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả các hoạt động trong nhà trường;  | BGH, CB, NV | Quy chế dân chủ; Bảng công khai | Trong năm học |
| Trong các cuộc họp lấy ý kiến GV nhà trường tích cực sử dụng nhiều hình thức (ý kiến trực tiếp; ý kiến qua phiếu); BGH thường xuyên nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của GV, NV. | BGH V | Hội nghị CBVC và các buổi họp, sinh hoạt tập thể | Trong năm học |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

 **Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

*Mức 1*

a*) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn thương tích; an toàn phòng chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường hợp có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhân đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;*

 *c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

 *Mức 2*

*a) Cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm phòng chông tai nạn thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ an toàn phòng chống thảm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả .*

 **1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1**

a) Nhà trường đã ban hành các phương án, kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn thương tích; an toàn phòng chống cháy,nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường **[H8-1.10-01]; [H8-1.10-02].**

Nhà trường đã tổ chức nấu ăn bán trú cho học sinh, bếp nấu ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhân đủ điều kiện an toàn thực phẩm **[H8-1.10-03]; [H8-1.10-04].**

b) Nhà trường có hộp thư góp ý, ban hành văn bản thông báo đường dây nóng là số điện thoại của Hiệu trưởng thông báo tới toàn thể cán bộ, nhân dân trên địa bàn và CMHS để sẵn sàng, kịp thời tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh về CB, GV, NV, HS và các hoạt động liên quan tới nhà trường **[H8-1.10-05];**

Mặt khác, nhà trường cũng đai chỉ đạo, tổ chức tiếp nhận ý kiến kiến nghị, phản hồi của cán bộ, nhân dân trên địa bàn và CMHS, CB, GV, NV về các hoạt động liên quan của nhà trường qua các nhóm zalo, trang thông tin điện tử của nhà trường để kịp thời xử lý, đảm bảo thực hiện thông suốt kế hoạch giáo dục và chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ **[H1-1.1-04].**

c) Trong năm học vừa qua, nhà trường không xảy ra hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới **[H1-1.1-04].**

**Mức 2**

a) Phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm phòng chống tai nạn thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ an toàn phòng chống thảm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh các tệ nạn xã hội và phòng chống bạolực trong nhà trường đã được phổ biến một cách tóm tắt nhất, được lồng ghép tập dượt trong quá trình giáo dục rẻ một cách ngắn gọn nhất **[H8-1.10-01]; [H8-1.10-02].**

b) Trong năm học, nhà trường thườngxuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan để phòng chống bạo lực học đường, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn thực phẩm, không để sự cố dù là nhỏ nhất về mất an toàn đối với CB, GV, NV và học sinh xảy ra **[H1-1.1-04];[H8-1.10-05].**

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có đầy đủ các kế hoạch và phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm phòng chống tai nạn thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ an toàn phòng chống thảm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực.

Phối hợp có hiệu quả với với Công an xã trong việc đảm bảo công tác an ninh trật tự trong nhà trường.

Tổ chức tập huấn đầy đủ cho cho CB, GV, NV về phòng chống cháy nổ, an toàn an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống thiên tai, phòng chống bạo lực học đường.

Nhà trường có hòm thư góp ý, công khai đường dây nóng đẻ tiếp nhận và xử lý nếu có thông tin phản ánh của người dân. Nhà trường không có biểu hiện về hành vi bạo lực,vi phạm luật bình đẳng giới.

 **3. Điểm yếu**

 Nội dung phương án phòng chống tai nạn thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ chưa thực sự ngắn gọn.

1. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, làm gọn phương án phòng chống tai nạn thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ. | P.HT phụ trách | Kế hoạch, phương án | Tháng12/2021 |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

 **Kết luận về Tiêu chuẩn 1**

 **\* Những điểm mạnh nổi bật**

Chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường giai đoạn 2019 - 2025 được xây dựng phù hợp mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Mai Sơn và xã Chiềng Chăn. Chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường được phòng GD&ĐT phê duyệt, được định ký rà soát, bổ sung, điều chỉnh và cụ thể hóa trong kế hoạch pát triển giáo dục theo từng năm học.

Nhà trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác; các Hội đồng đã thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ; Hoạt động của các hội đồng có hiệu quả cao, đặc biệt là công tác chỉ đạo thực hiện nâng cao chất lượng, chăm sóc trẻ. Định kỳ rà soát, đánh giá theo từng kì học, năm học.

Nhà trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ Trường Mầm non. Chi bộ được đánh giá hoàn thành hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Các tổ chức đoàn thể hoạt động mạnh mẽ, hiệu quả, góp phần thúc đẩy sự phát triển của nhà trường và nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, là hạt nhân trong các phong trào thi đua trong nhà trường.

Nhà trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy có Hiệu trưởng, đủ số lượng phó hiệu trưởng, đủ các tổ chuyên môn và tổ văn phòng theo quy định. Các tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được các cấp quản lý ghi nhận và đánh giá cao.

Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; được tổ chức học 2 buổi/ ngày. Mỗi nhóm trẻ lớp mẫu giáo có không quá 02 trẻ cùng một dạng khuyết tật; Trẻ khuyết tật được học hòa nhập đúng độ tuổi, có kế hoạch giáo dục riêng, được đánh giá thường xuyên.

Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo Luật Lưu trữ và hướng dẫn của ngành. Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định.Hàng năm nhà trường bổ sung, cập nhật quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành và được thông qua trong hội nghị cán bộ, công chức, viên chức.

Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho CBQL, GVMN, NV. Phân công sử dụng CBQL, GVMN, NV rõ ràng, hợp lý, hiệu quả và phù hợp với trình độ, năng lực đội ngũ giáo viên. Quan tâm bồi dưỡng, phát triển đội ngũ hàng năm. Đảm bảo quyền lợi, chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Chú trọng phát huy năng lực CBQL, GVMN, NV nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ trong nhà trường;

Nhà trường đã xây dựng và thực hiện đầy đủ nội dung kế hoạch giáo dục hàng năm, định kỳ rà soát, điều chỉnh và bổ sung kịp thời, các biện pháp chỉ đạo thực hiện đạt hiệu quả, được Phòng GD&ĐT Mai Sơn đánh giá đạt chất lượng, hiệu quả.

Mọi kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trườngđều được xin ý kiên đóng góp, tham gia rộng rãi của toàn bộ CBQL, GVMN, NV trong trường. Các ý kiến ý kiến đóng góp của CB, GV, NV đều được nghiêm túc tiếp thu, phản ánh trong việc hoàn thiện văn bản trước khi ban hành

Nhà trường có đầy đủ các kế hoạch và phương án. Tổ chức tập huấn đầy đủ cho cho CB, GV, NV về đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm phòng chống tai nạn thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ an toàn phòng chống thảm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực.

**\* Điểm yếu cơ bản của tiêu chuẩn**

Việc phổ biến nội dung Chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường tới đông đảo nhân dân xã Chiềng Chăn chưa được thường xuyên

Công tác tuyển sinh của hội đồng tuyển sinh nhà trường chưa cao do 1 số trẻ đi theo bố mẹ làm ăn xa, dẫn đến sỹ số trẻ chưa đảm bảo so với kế hoạch.

Đoàn thanh niên chưa tổ chức được các hoạt động văn hóa, thể thao thường xuyên do trường có nhiều điểm lẻ, đường xã đi lại khó khăn

Việc bố trí, sắp xếp lượng thời gian dành cho sinh hoạt tổ chuyên môn đôi khi còn chưa thực sự khoa học.

Do địa bàn rộng nên nhà trường vẫn còn trẻ học ở lớp ghép 2 và 3 độ tuổi. Nhà trường mới thực hiện ăn bán trú tập trung tại 02/08 điểm trường

Việc nhập, lưu hồ sơ tài chính đôi khi chưa kịp thời do kế toán thực hiện nhiệm vụ của 2 trường (Trường Mầm non Chiềng Chăn và trường Tiểu học và Trung học cơ sở Chiềng Chăn)

Nhà trường chưa có nhiều hình thức hướng dẫn GV tự học, tự bồi dưỡng.

Hiệu quả việc triển khai nội dung "ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy" trong kế hoạch giáo dục còn hạn chế.

Vẫn còn một số giáo viên còn nhút nhát, rụt rè khi tham gia góp ý cho các hoạt động của nhà trường

Nội dung phương án phòng chống tai nạn thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ chưa thực sự ngắn gọn.

**- Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 10 tiêu chí**

+ Mức 1: Số tiêu chí đạt yêu cầu 10/10 (100%); số tiêu chí không đạt: Không.

+ Mức 2: Số tiêu chí đạt yêu cầu 10/10 (100%); số tiêu chí không đạt: Không.

+ Mức 3: Số tiêu chí đạt yêu cầu 5/5 (100%); số tiêu chí không đạt: Không.

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

**Mở đầu**

Trường Mầm non Chiềng Chăn có đội ngũ CBQL,GV, NV đủ về số lượng, đảm bảo về cơ cấu và đạt các yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Tất cả CBQL, GV, NV đều có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình tâm huyết với nghề, nêu cao tinh thần đoàn kết, lối sống lành mạnh, trung thực, thẳng thắn, khắc phục khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo theo quy định cao, có kiến thức cơ bản về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật, thực hiện công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ trong nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường triểnkhai thực hiện tốt các quy định về công tác tổ chức cán bộ và đánh giá, xếp loại CBQL, GV theo chuẩn. Hàng năm, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đều được đánh giá xếp loại, được đảm bảo các điều kiện và hưởng đầy đủ các quyền lợi theo quy định.

***Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng***

*Mức 1*

*a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định.*

*b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên.*

*c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

*Mức 2*

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*

*b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

*Mức 3*

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

a) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đều đạt các tiêu chuẩn theo quy định (ban hành kèm theo Quyêt định sô 24/2017/QĐ-UBND ngày 09/8/2017của UBND tỉnh Sơn La)

Hiệu trưởng nhà trường có đầy đủ quyết định bổ nhiệm, có đủ các loại văn bằng chứng chỉ đạt chuẩn theo quy định **[H9-2.1-01]; [H4-1.4-01]**

Phó Hiệu trưởng nhà trường có đầy đủ quyết định bổ nhiệm, có đủ các loại văn bằng chứng chỉ đạt chuẩn theo quy định **[H9-2.1-02]; [H4-1.4-02].**

b) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn đạt mức Khá trở lên theo quy định **[H9-2.1-06]; [H9-2.1-07].**

c) Hàng năm Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng được dự các lớp bồi dưỡng tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo chỉ đạo của Sở/phòng GDĐT **[H9-2.1-03].**

**Mức 2**

a) Trong 05 năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đều được đánh giá, xếp loại Tốt và Xuất sắc theo quy định của Chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng (*Thông tư25/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 và Công văn 521/SGDĐT-GDMN về việc hướng dẫn thực hiện thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của bộ GD&ĐT*) **[H9-2.1-06]; [H9-2.1-07].**

b) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng là cốt cán của Phòng GD&ĐT Mai Sơn, thường xuyên được tham gia các lớp tập huấn do Sở GD&ĐT Sơn La tổ chức. Các cán bộ quản lý đều có phẩm chất đạo đức tốt, được giáo viên, cán bộ, nhân viên trong trường tin tưởng và nhân dân địa phương tín nhiệm, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý và chỉ đạo chuyên môn **[H9-2.1-04]; [H9-2.1-05].**

**Mức 3**

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá đồng chí Hiệu trưởng và các đồng chí PHT đều được đánh giá đạt chuẩn ở mứcTốt và Xuất sắc **[H9-2.1-06]; [H9-2.1-07].**

**2. Điểm mạnh**

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng Trường Mầm non Chiềng Chăn đều có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý, chỉ đạo công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ đều đạt các tiêu chuẩn theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá đều được đánh giá đạt chuẩn đạt mức tốt trở lên theo quy định; thường xuyên được tham gia các lớp tập huấn do cấp trên tổ chức.

**3. Điểm yếu**: Không có

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng tiếp tục học hỏi, phấn đấu, tu dưỡng để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý, hoàn thành tốt hơ nhiệm vụ được giao. |  BGH |  | Trong năm học |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

**Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên**

*Mức 1*

*a. Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;*

*b. Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;*

*c. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.*

*Mức 2*

*a. Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*

*b. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*

*c. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

*Mức 3*

*a. Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;*

*b. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

a) Nhà trườngcó đủ số lượng giáo viên, đủ năng lực đáp ứng được công tác chăm sóc, giáo dục trẻ. Giáo viên có ý thức trách nhiệm trong công việc. Số lượng giáo viên tại thời điểm báo cáo là 32 người, chia ra giáo viên nhà trẻ 6/4 nhóm đạt tỷ lệ 1,5 giáo viên/ lớp, giáo viên mẫu giáo 26/16 lớp đạt tỷ lệ 1,6 giáo viên/lớp **[H5-1.5-01]; [H9-2.2-03].**

b) Nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định **[H9-2.2-01]; [H9-2.2-02].**

c) Tông số 32 GV, 05 GV mới chưa đủ điều kiện đánh giá, 27/27 tỷ lệ 100% GV đủ điều kiện đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non *(Thông tư 2612018/TT-BGDĐT ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 08/10/2018)* từ Đạt trở lên **[H9-2.2-04].**

**Mức 2**

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo là 62%. Trong 05 năm, liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được tăng dần theo lộ trình **[H9-2.2-01].**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Tổng số GV** | **Trên chuẩn** |
| **2016-2017** | 24 | 10 |
| **2017-2018** | 26 | 19 |
| **2018-2019** | 26 | 20 |
| **2019-2020** | 30 | 18 |
| **2020-2021** | 32 | 20 |
| **2021-2022** | 32 | 19 |

b)Trong các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, Nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 92,3% giáo viên của trường được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Khá trở lên **[H9-2.2-04].**

c) Trong các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, Nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên **[H9-2.2-05].**

**Mức 3**

a) Giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đạt 28/32 tỷ lệ 87,5% **[H9-2.2-01].**

b) Trong các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, nhà trường có 92,3% giáo viên xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt loại Khá trở lên*,* trong đó có ít nhất 69,2% giáo viên xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt loại Tốt **[H9-2.2-04]; [H9-2.2-05]**

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đội ngũ giáo viên đảm bảo hợp lý về cơ cấu, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng để thực hiện tốt chương trình giáo dục mầm non theo quy định; 100%, có tinh thần trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, có ý thức tổ chức kỷ luật, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ; có ít nhất 92,3% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ loại Khá trở lên trong đó có ít nhất 69,2% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp được đánh giá ở mức tốt theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường còn 4/32 giáo viên trình độ chuyên môn trung cấp, đang trong lộ trình hoàn thiện bằng cấp. (có 2/4 giáo viên hoàn thành trình độ đào tạo chuyên môn đại học vào năm 2022; 2/4 hoàn thành vào năm 2024).

 **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| Xây dựng kế hoạch, tham mưu cử GV tiếp tục tham gia các khóa dào tạo phù hợp, tăng số lượng GV đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo. |  Hiệu trưởng | Kế hoạch năm học | Trong năm học |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

**Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên**

*Mức 1*

*a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*

*b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*

*c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

*Mức 2*

*a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

*Mức 3*

*a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*

*b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

a) Tại thời điểm đánh giá nhân viên kế toán nhà trường hiện chung kế toán với Trường TH và THCS Chiềng Chăn. Nhà trường có 01 giáo viên kiêm nghiệm phụ trách công tác y tế trường học chỉ thực hiện cân đo và gióng biểu đồ theo dõi trẻ chứ không phụ trách công tác khám sức khỏe của trẻ. Nhà trường có nhân viên bảo vệ, nhân viên phục vụ kiêm hành chính, văn thư, thủ quỹ. **[H9-2.3-01]; [H9-2.3-02].**

b) Các nhân viên thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ Trường Mầm non đã được Hiệu trưởng phân công công việc rõ ràng, hợp lý phù hợp với chuyên môn và năng lực thực tế của của mỗi cá nhân **[H9-2.3-01].**

c) Đội ngũ nhân viên nhiệt tình luôn hoàn thành các nhiệm vụ được giao **[H9-2.3-04].**

**Mức 2**

a) Mặc dù chưa có đủ số nhân viên chuyên trách theo quy định tại khoản 3 điều 4 và khoản 4 điều 5 thông tư liên tịch số 06/2015/TTLTBGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ GDĐT và Bộ nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập nhưng nhà trường đã có các biện pháp khắc phục như: phân công giáo viên, nhân viên kiêm nhiệm để đảm bảo số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định. Từ năm 2016 đến nay nhà trường gồm có 01 bảo vệ; 01 nhân viên phục vụ kiêm hành chính văn thư, thủ quỹ; 01 nhân viên kế toán thực hiện nhiệm vụ chung cho 02 đơn vị trường *(Trường TT-THCS và Trường Mầm non)*; Nhà trường không có nhân viên y tế nên có 01giáo viên kiêm nghiệm phụ trách công tác cân đo và gióng biểu đồ trẻ, đã phối hợp chặt chẽ với Trạm y tế xã Chiềng Chăn để thực hiện công tác y tế trường học **[H9-2.3-01].**

 b) Trong 5 năm gần đây nhân viên trong trường không có ai bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên **[H9-2.3-04].**

**Mức 3**

a) Đội ngũ nhân viên nhà trường có bằng cấp, chứng chỉ đáp ứng được vị trí việc làm. Nhân viên kế toán có bằng tốt nghiệp trung cấp kế toán, phù hợp với vị trí được phân công **[H9-2.3-02].**

b) Hằng năm, nhân viên nhà trường được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công**, có** các chứng chỉ tập huấn bồi dưỡng chuyên môn **[H9-2.3-03].**

**2. Điểm mạnh**

Nhân viên thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao và được bảo đảm chế độ, chính sách theo quy định.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có đủ số lượng nhân viên theo yêu cầu (Chưa có nhân viên y tế).

Nhân viên bảo vệ, phục vụ chưa được bồi dưỡng về nghiệp vụ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/công việc****cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| Tiếp tục duy trì và phát triển số lượng nhân viên để đáp ứng công việc của nhà trường; | BGH, Nhân viên | Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học;  | Trong năm học |
| Sắp xếp cho giáo viên và nhân kiêm nhiệm tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ theo quy định. | BGH, Nhân viên, giáo viên | Nắm bắt các lớp tập huấn cho nhân viên và giáo viên kiêm nghiệm | Trong năm học |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 2**

**\* Những điểm nổi bật của tiêu chuẩn**

Nhà trường có đủ Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng theo quy định. Cán bộ quản lý có kinh nghiệm trong công tác quản lý, nhiệt tình, năng động, tâm huyết, làm tốt công tác tham mưu, công tác XHHGD. Duy trì và phát huy thành tích, giữ vững đơn vị tiên tiến trong nhiều năm liền.Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đều đạt mức Tốt; Nhà trường có Cán bộ quản lý, giáo viên là cốt cán của cấp học tại huyện, đội ngũ cốt cán thường xuyên được tham gia các lớp tập huấn do cấp trên tổ chức.

Nhà trường có đội ngũ giáo viên đảm bảo hợp lý về cơ cấu, thực hiện tốt chương trình giáo dục mầm non theo quy định; 93%, giáo viên trong nhà trường đều có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên, có tinh thần trách nhiệm, có ý thức tổ chức kỷ luật, phấn đấu vươn lên hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ; 92,3% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ loại Khá trở lên trong đó có ít nhất 24,0%giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên; có 32/32 giáo viên đã tham khảo và lựa chọn một số hoạt động phù hợp đểáp dụng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ tại nhóm, lớp.

Nhà trường có số lượng nhân viên đáp ứng được nhiệm vụ được giao. Nhân viên có bằng cấp được sắp xếp đúng theo vị trí việc làm. Hằng năm, nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công. Nhân viên thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao và được bảo đảm chế độ, chính sách theo quy định.

**\* Những điểm yếu cơ bản của tiêu chuẩn**

Nhà trường còn 4/32 giáo viên trình độ chuyên môn trung cấp, đang trong lộ trình hoàn thiện bằng cấp. (có 2/4 giáo viên hoàn thành trình độ đào tạo chuyên môn đại học vào năm 2022, 2/4 hoàn thành vào năm 2024).

Nhà trường chưa có đủ số lượng nhân viên theo yêu cầu (Chưa có nhân viên y tế). Nhân viên bảo vệ, phục vụ chưa được bồi dưỡng về nghiệp vụ.

**- Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 3 tiêu chí**

+ Mức 1: Số tiêu chí đạt yêu cầu 03/03 (100%); số tiêu chí không đạt: Không.

+ Mức 2: Số tiêu chí đạt yêu cầu 03/03 (100%); số tiêu chí không đạt: Không.

+ Mức 3: Số tiêu chí đạt yêu cầu 03/03 (100%); số tiêu chí không đạt: Không.

 **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

 **Mở đầu**

Trường Mầm non Chiềng Chăn có diện tích đất là 11.407.7m2, tổng số có 26 phòng học và các phòng chức năng khác, các phòng chức năng được trang bịđầy đủ các thiết bị đảm bảo yêu cầu theo quy định. Có khuôn viên sạch, đẹp và an toàn, sân vườn rộng rãi, có cây xanh, có các loại đồ chơi ngoài trời phục vụ cho trẻ chơi. Trường được xây dựng kiên cố và vừa đưa vào sử dụng, có đầy đủ phòng học, các phòng chức năng đảm bảo diện tích theo quy định. Có các trang thiết bị đầy đủ phục vụ cho công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Các công trình xây dựng của nhà trường đều là bán kiên cố và kiên cố, nhà trường có hệ thống thu gom xử lý rác thải, hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh, có đủ công trình vệ sinh cho cán bộ giáo viên và trẻ.

 **Tiêu chí 3.1. Diện tích, khuôn viên và sân vườn**

*Mức 1*

*a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho 1 trẻ đảm bảo theo quy định;*

 *b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;*

 *c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi-cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.*

 *Mức 2*

*a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo qui định;*

 *b) Khuôn viên có tường rào bao ngăn cách với bên ngoài, có sân chơi củanhóm lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khán phá, học tập.*

 *c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo qui định; có rào chắc chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ(nếu có).*

 *Mức 3*

 *Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động. Có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do bộ giáo dục ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài danh mục phù hợp với thực tiễn, đảm bảo an toàn cho trẻ.*

 **1. Mô tả hiện trạng**

 Mức 1

a) Nhà trường có đủ diện tích đất xây dựng theo quy định tại mục 3, Điều 5 Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổng diện tích toàn trường là 11.407.7m2, trong đó tổng diện tích các phòng học là 1.548 m2, diện tích sân chơi là 1,823 m2. Diện tích sàn bình quân tối thiểu cho 1 trẻ là 3,4m2/1trẻ **[H10-3.1-01]; [H10-3.1-02].**

b) Nhà trường có đủ cổng trường, biển tên trường, hàng rào xây kiên cố bao quanh; khuôn viên trường sạch sẽ, thoáng mát đảm bảo vệ sinh, có cây xanh, bồn hoa, cây cảnhtạo cảnh quan môi trường thân thiện xanh, sạch, đẹp và an toàn cho trẻ trong quá trình tham gia các hoạt động và vui chơi tại trường **[H10-3.1-03]; [H10-3.1-04].**

c) Nhà trường có đủ sân chơi cho trẻ tham gia các hoạt động, hiên chơi, hành lang của các nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi có hệ thống cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được tiếp cận sử dụng **[H10-3.1-03]**; **[H10-3.1-05].**

**Mức 2**

a) Trường có diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907: 2011 về yêu cầu thiết kế Trường Mầm Non: Diện tích xây dựng công trình: 1.839 m2, diện tích sân: 1,823m2 **[H10-3.1-01]; [H10-3.1-02].**

 b) Khuôn viên có tường rào bao ngăn cách với bên ngoài, có sân chơi của nhóm lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khán phá, học tập **[H10-3.1-03]; [H10-3.1-04].**

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo qui định tại Thông tư 32/2012-BGD ĐT ngày 24/9/2012, Ban hành danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non; sân vườn thường xuyên sạch sẽ, có rào chắn an toàn ngăn cách với bể hoa súng cảnh **[H10-3.1-03]; [H10-3.1-06].**

**Mức 3**

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động. Có các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục Mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và bổ sung thêm thiết bị ngoài danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ **[H6-1.6-07].**

 **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng đảm bảo theo quy định. Có cổng, biển tên trường, có sân chơi, hiên chơi, hành lang nhóm, lớp; cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng, có tường rào, hàng rào bao quanh đảm bảo an toàn, sạch sẽ. Các điểm trường đều có sân chơi riêng để thực hiện các hoạt động chơi ngoài trời, có danh mục các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định của Bộ GD&ĐT và bổ sung thêm thiết bị ngoài danh mục phù hợp với thực tế.

**3. Điểm yếu**

Một số điểm lẻ thiết bị đồ chơi ngoài trời chưa đồng bộ.

 **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Nhà trường tiếp tục làm tờ trình tham mưu với cấp trên xem xét bổ sung danh mục thiết bị đồ chơi ngoài trời đảm bảo đồng bộ cho các khu lẻ. | UBND huyện và Phòng GD -ĐT Mai Sơn | Tờ trình, kế hoạch  | Trong năm học  | 200.000.000 |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

 **Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập**

*Mức 1*

a*) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm lớp theo độ tuổi;*

 *b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ; có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

 *c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt; có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

 *Mức 2*

*a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáodục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo qui định tại điều lệ Trường mầm non;*

 *b) Hệ thống, tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo qui định tại điều lệ Trường mầm non.*

 *Mức 3*

*Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.*

**1.Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1**

a) Nhà trường có tổng số 20/20 phòng học được thiết kế xây dựng đảm bảo đủ cho số trẻ; Mỗi phòng diện tích bình quân là 67,3m2 **[H11-3.2-01].**

 b) Có phòng sinh hoạt chung (phòng ngủ + học tập), có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật, phòng bảo vệ đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em. **[H11-3.2-01]; [H11-3.2-02].**

c) Tất cả các lớp đều có hệ thống đèn, hệ thống quạt; có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy họcđược trang bị đầy đủ **[H6-1.6-06].**

**Mức 2**

a) Có phòng sinh hoạt chung (phòng ngủ + học tập), có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật, phòng bảo vệ đảm bảo đạt chuẩn theo qui định tại điều lệ Trường mầm non **[H11-3.2-03].**

b) Hệ thống, tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo qui định tại điều lệ Trường Mầm non, văn bản hợp nhất 01/VBHN - BGD- ĐT 2015, danh mục đồ dùng - đồ chơi thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho Mầm non. **[H6-1.6-06]**

 **Mức 3**

Nhà trường có phòng riêng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật, phòng tin học, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em **[H11-3.2-03].**

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ phòng dùng cho sinh hoạt chung và thực hiện các hoạt động chức năng khác. Đồ dùng, trang thiết bị đáp ứng tốt cho hoạt động. Có phòng riêng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật, phòng tin hoc đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; có hệ thống đèn, điện, hệ thống quạt, có tủ đựng đồ dùng, thiết bị dạy học. Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

**3. Điểm yếu**

Trang thiết bị một số phòng chức năng chưa đồng bộ

 **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Tham mưu lãnh đạo cấp trên; đầu tư bổ sung thêm các trang thiết bị các phòng chức năng. | CBQL | Tờ trình xin kinh phí | Tháng 8/2021 | 300.000.000 từ nguần ngân sách nhà nước |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

 ***Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị***

 ***Mức 1***

a*) Có các loại phòng theo quy định;*

*b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;*

 *c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.*

***Mức 2***

*a) Đảm bảo diện tích*

*b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.*

 ***Mức 3***

*Có đủ phòng, đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế Trường mầm non.*

**1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1**

a) Nhà trường có đủ các loại phòng theo quy định tại Thông tư số 13/2020/ TT-BGDĐT Ban hành Quyết định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường Mầm Non, Tiểu học, THCS và trường phổ thông Trung học, có nhiều cấp học ngày 26/05/2020 **[H11-3.3-01]**.

b) Các phòng có đủ các trang thiết bị tối thiểu: Phòng hội đồng trường có đủ bàn ghế họp, tủ văn phòng, có các bảng biểu theo quy định, hệ thống điện, đèn,  quạt. Phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có đầy đủ các phương tiện làm việc máy tính, máy in, tủ đựng tài liệu, bàn ghế làm việc và bàn ghế tiếp khách, hệ thống điện, đèn, quạt...Phòng nghệ thuật có đủ các thiết bị như đàn, tăng âm, loa đài, tủ trang phục, Phòng y tế có đủ thiết bị như Bông, cồn, băng dính, thuốc sát khuẩn, thuốc hạ sốt, thuốc ho, dầu gió, máy đo nhiệt độ…Phòng bảo vệ có giường, hệ thống điện, đèn, quạt,  bàn làm việc. Phòng nghệ thuật có đủ các thiết bị như đàn, tăng âm, loa đài, tủ trang phục **[H6-1.6-06]**.

c) Khu để xe cho cán bộ, giáo viên, được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự **[H11-3.3-02]**.

 **Mức 2**

  a) Nhà trường có các loại phòng đảm bảo diện tích theo quy định: Phòng hội đồng trường diện tích 64m2; Phòng hiệu trưởng diện tích 36m2, phòng phó hiệu trưởng diện tích 36m2, phòng nghệ thuật diện tích 64m2,phòng y tế có diện tích 18 m2, phòng bảo vệ diện tích 10 m2 **[H11-3.3-01]**.

b) Khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí phù hợp có mái che, đảm bảo an toàn, tiện lợi **[H11-3.3-02]**.

**Mức 3**

Nhà trường có đủ các phòng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907: 2011 đảm bảo theo yêu cầu thiết kế Trường Mầm non **[H11-3.3-01]**.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ phòng hành chính quản trị theo quy định, các phòng đều có các trang thiết bị đáp ứng cho nhu cầu sử dụng của từng phòng, có khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

**3. Điểm yếu**

Trang thiết bị một số phòng chức năng chưa đồng bộ, cán bộ y tế là giáo viên kiêm nhiệm và chưa đúng về chuyên môn nên việc hoàn thiện hồ sơ y tế còn gặp khó khăn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Xây dựng kế hoạch bổ sung thêm trang thiết bị cho phòng chức năng, phòng y tế trong năm học 2021-2022 và những năm học tiếp theo. | Cán bộ quản lý | Kế hoạch XHHGD; Tờ trình; Kinh phí. | Trong năm học | 35-50 triệu đồng |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

 **Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn**

*Mức 1*

*a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*

 *b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;*

 *c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

***Mức 2***

 *Bếp ăn phải đảm bảo theo qui định tại Điều lệ Trường mầm non;*

 ***Mức 3***

 *Bếp ăn phải theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế Trường mầm non.*

 **1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

a) Năm học 2021 - 2022 Nhà trường tổ chức nấu ăn bán trú tập trung, có bếp ăn diện tích 87m2, xây dựng bán kiên cố: gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn, được thiết kế và tổ chức theo hoạt động một chiều, vệ sinh hàng ngày đảm bảo quy trình nấu ăn sạch sẽ hợp vệ sinh **[H11-3.4-01]**.

b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt gạo, gia vị và khu vực để thức ăn đã được chế biến chín, các khu được vệ sinh sạch sẽ, khô ráo, không để thực phẩm ẩm mốc, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, được sắp xếp khoa học, đúng quy định **[H11-3.4-02]**.

c) Có tủ lạnh để lưu mẫu thực phẩm của trẻ ăn bán trú hằng ngày việc lưu mẫu thức ăn được thực hiện theo quy định, dụng cụ lưu mẫu thức ăn đều có nắp đậy, được rửa sạch, tiệt trùng trước khi sử dụng, mỗi món ăn được lấy và lưu vào dụng cụ lưu mẫu riêng và được niêm phong, thức ăn đặc lưu 100g, thức ăn lỏng lưu 150g. Mẫu thức ăn được lấy trước khi bắt đầu ăn, được lưu ngay sau khi lấy, các thông tin về mẫu thức ăn lưu được ghi trên nhãn và cố định vào dụng cụ lưu mẫu thức ăn; bảo quản ở nhiệt độ 2 - 8ºC; thời gian lưu là 24 giờ kể từ khi lấy mẫu thức ăn **[H11-3.4-03]**; **[H14-5.3-01]**.

**Mức 2**

Bếp ăn được xây dựng bán kiên cố, diện tích 87m2 gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn, được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều. Có đầy đủ đồ dùng phục vụ trẻ em ăn bán trú tại trường, có dụng cụ chế biến thực phẩm đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm, có đủ nước sử dụng, chất lượng nước đảm bảo, việc xử lí các chất thải đúng quy định, đảm bảo yêu cầu phòng chống cháy nổ, đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non **[H11-3.4-01].**

Nhà bếp có đủ đồ dùng phục vụ bán trú cho trẻ tại trường, có tủ lạnh lưu mẫu thực phẩm và sổ lưu mẫu thức ăn hàng ngày. Có đủ nước sử dụng, chất lượng nước được cơ quan y tế kiểm định. Đảm bảo việc xử lí các chất thải đúng quy định; đảm bảo yêu cầu phòng chống cháy nổ  **[H11-3.4-06]; [H11-3.4-07].**

**Mức 3**

Nhà trường có bếp ăn đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia và yêu cầu thiết kế Trường Mầm non (Quy định tại khoản 1, 2 Mục VI phần 4 của quy chuẩn QCVN 07: 2010/BYT) bếp ăn thông thoáng, đủ ánh sáng, có cửa sổ thông thoáng, tường, trần nhà, sàn nhà, bằng phẳng thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Bàn, ghế, dụng cụ, phương tiện phải được làm bằng vật liệu dễ cọ rửa. Có đủ các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Dụng cụ chứa thức ăn và sử dụng để ăn uống phải được làm bằng vật liệu dễ làm vệ sinh và không thôi nhiễm yếu tố độc hại. Có tủ lạnh bảo quản thực phẩm. Hệ thống cung cấp nước sạch và chỗ rửa tay với xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn. Có phương tiện phân loại, thu gom và vận chuyển rác, thực phẩm, thức ăn thừa; các dụng cụ chứa đựng rác phải được làm bằng vật liệu chắc chắn, có nắp đậy và thuận tiện cho việc làm vệ sinh đảm bảo theo quy định tại điều lệ Trường Mầm non **[H11-3.4-04]**; **[H11-3.4-05]**;

**2. Điểm mạnh**

Năm học 2021-2022 nhà trường có bếp nấu ăn tập trung tại điểm Trung tâm, phục vụ cho 187 suất ăn của trẻ 2 điểm: Trung tâm và Sài Lương, có đủ đồ dùng phục vụ công tác bán trú, đã tổ chức cho trẻ ăn bán trú theo hình thức tập trung, đã cho trẻ uống thêm sữa theo chương trình “Sữa học đường”. Bếp nấu ăn đảm bảo theo quy trình vận hành 1 chiều, được xây dựng bán kiên cố, có kho lưu thực phẩm và có đầy đủ đồ dùng phục vụ cho bán trú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo theo Tiêu chuẩn về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

Nhân viên nuôi dưỡng được tập huấn kiến thức và kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ nấu ăn, có ý thức tinh thần trách nhiệm cao trong việc giữ gìn vệ sinh ATTP, bếp ăn đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ.

**3. Điểm yếu**

Trường mới có 1 bếp ăn của điểm trung tâm. Các điểm trường khác chưa có bếp ăn bán trú, diện tích bếp còn hẹp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
|  Tiếp tục tham mưu với các cấp, ban ngành đoàn thể, làm tốt công tác xã hội hóa để tổ chức bán trú tập trung cho trẻ và xây dựng bếp ăn tại các điểm trường lẻ. | CBQL, kế toán | Kinh phí tự chủ | Trong năm học | 160.000.000đ |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

 **Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi**

 *Mức 1*

 *a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*

 *b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;*

 *c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa*.

***Mức 2***

 *a) Hệ thống máy tính được kết nối Intennet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học.*

 *b) Có đủ thiết bị dạy học theo qui định*

 *c) Hàng năm được bổ sung thêm*

 ***Mức 3***

*Các thiết bị, đồ dùng tự làm hoặc ngoài danh mục qui định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ.*

 **1.Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1**

 a) Nhà trường cócác thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 Ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non **[H6-1.6-06]; [H11-3.5-01].**

 b) Hàng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch làm đồ dùng dạy học, đồ chơi sáng tạo, các thiết bị đồ dùng đồ chơi tự làm và ngoài danh mục đều đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ **[H11-3.5-02].**

 c) Định kỳ hàng năm nhà trường đều kiểm kê các thiết bị, đồ dùng theo quy định có phương án mua sắm bổ sung, kế hoạch sửa chữa kịp thời những thiết bị, đồ dùng, đồ chơi bị hỏng, có biên bản kiểm kê tài sản **[H11-3.5-04].**

 **Mức 2**

 a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động nuôi dưỡng và giáo dục trẻ **[H11-3.5-03].**

 b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định tại Quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non **[H6-1.6-06]; [H11-3.5-01].**

 c) Hằng năm xây dựng Kế hoạch bổ sung các thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi tựtạo theo quy định **[H11-3.5-02].**

**Mức 3**

 Các thiết bị, đồ dùng tự làm được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ **[H11-3.5-02]**.

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Các đồ dùng, đồ chơi tự làm đều đảm bảo yêu cầu, thẩm mỹ, an toàn phù hợp với trẻ. Hàng năm được bổ sung, tu sửa định kỳ. Giáo viên nhiệt tình trong công tác sưu tầm và làm đồ dùng dạy học tự tạo đáp ứng được yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

**3. Điểm yếu**

Một số thiết bị đồ dùng, đồ chơi ở một số lớp lẻ chưa đồng bộ

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Nhà trường duy trì thực hiện tốt công tác làm đồ dùng đồ chơi tự tạo và sử dụng hiệu quả trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi. | Cán bộ quản lý, giáo viên | Bố trí thời gian làm thêm ĐDĐC tự tạo. | Trong các năm học | 6.000.000đ/năm từ nguồn tự nguyện của giáo viên. |
| Tăng cường tham mưu cấp trên bổ sung kinh phí sửa chữa, nâng cấp, xây dựng hàng năm. | Cán bộ quản lý | Nguồn ngân sách nhà nước, XHH | Trong các năm học  | 120.000.000đ |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

 ***Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước***

*Mức 1*

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;*

*b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;*

 *c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

 *Mức 2*

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ giáo viên,nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo qui định;*

*b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải.*

 **1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1**

a) Nhà trường có 12 khu nhà vệ sinh đảm bảo cho 457 trẻ/ 8 điểm trường được sử dụng, các nhà vệ sinh được dùng chung cho bé trai và bé gái. Nhà trường có 13 phòng vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo theo quy định, các phòng vệ sinh được thiết kế đặt ở vị trí phù hợp với khuôn viên trường và các điểm trường. Khu vệ sinh đều sạch sẽ, không ô nhiễm môi trường, thuận tiện khi sử dụng **[H11-3.6-02].**

b) Trường cóhệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường;có hệ thống cung cấp đủ nước sạch, có hợp đồng nước uống và nước sinh hoạt cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ **[H11-3.6-01].**

c) Nhà trường có khu vực thu gom rác thải và xử lý chất thải hằng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường, hàng ngày giáo viên thu gom và đốt rác đúng theo quy định đảm bảo vệ sinh môi trường **[H11-3.6-03].**

**Mức 2**

a) Nhà trường thiết kế, khu, phòng vệ sinh dành riêng cho trẻ, cho cán bộ giáo viên, nhân viên, có vòi rửa tay, sử dụng thuận tiện, phù hợp với khuôn viên nhà trường, diện tích phòng vệ sinh cho trẻ đảm bảo diện tích sử dụng cho trẻ, xây liền kề với phòng hoạt động chung dễ sử dụng, dễ quan sát **[H11-3.6-02].**

b) Có đầy đủ hệ thống nước sử dụng, hệ thống nước thải theo quy trình, sạch sẽ, hợp vệ sinh sử dụng hệ thống thoát ngầm, không làm ảnh hưởng đến môi trường trong và ngoài lớp, đúng quy định của bậc học mầm non, 01/8 điểm trường ký hợp đồng cung cấp nước sạch với công ty nước **[H11-3.6-01].**

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có các khu nhà vệ sinh dùng cho trẻ được thiết kế và xây dựng sạch sẽ đảm bảo theo đúng quy định.Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường, có hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ. Hệ thống cống rãnh, thu gom rác thải có nắp đậy đảm bảo vệ sinh môi trường. Có nhà vệ sinh riêng cho CB, GV, NV, GV các điểm lớp thu gom rác thải hằng ngày sạch sẽ.

 **3. Điểm yếu**

Khu vệ sinh của trẻ chưa được ngăn cách riêng trẻ nam và nữ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Tham mưu với Phụ huynh học sinh, làm tốt công tác XHH để có thêm nguồn kinh phí xây dựng và sửa chữa khu vệ sinh ngăn cách riêng trẻ nam và nữ. | Cán bộ quản lý | Kinh phí | Năm học 2021-2022 | 240 triệu từ nguồn ngân sách nhà nước và XHH |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 3**

**\* Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng đảm bảo theo quy định. Có cổng, biển tên trường, có sân chơi, hiên chơi, hành lang nhóm, lớp; cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng, có tường rào, hàng rào bao quanh đảm bảo an toàn, sạch sẽ. Các điểm trường đều có sân chơi riêng để thực hiện các hoạt động chơi ngoài trời, có danh mục các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định của Bộ GD&ĐT và bổ sung thêm thiết bị ngoài danh mục phù hợp với thực tế.

Nhà trường có đủ phòng dùng cho sinh hoạt chung và thực hiện các hoạt động chức năng khác. Đồ dùng, trang thiết bị đáp ứng tốt cho hoạt động. Có phòng riêng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật, phòng tin hoc đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; có hệ thống đèn, điện, hệ thống quạt, có tủ đựng đồ dùng, thiết bị dạy học. Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Nhà trường có đủ phòng hành chính quản trị theo quy định, các phòng đều có các trang thiết bị đáp ứng cho nhu cầu sử dụng của từng phòng, có khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Năm học 2021 - 2022 nhà trường có bếp nấu ăn tập trung tại điểm Trung tâm, phục vụ cho 187 suất ăn của trẻ 2 điểm: Trung tâm và Sài Lương, có đủ đồ dùng phục vụ công tác bán trú, đã tổ chức cho trẻ ăn bán trú theo hình thức tập trung, đã cho trẻ uống thêm sữa theo chương trình “Sữa học đường”. Bếp nấu ăn đảm bảo theo quy trình vận hành 1 chiều, được xây dựng bán kiên cố, có kho lưu thực phẩm và có đầy đủ đồ dùng phục vụ cho bán trú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo theo Tiêu chuẩn về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

Nhà trường có đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Các đồ dùng, đồ chơi tự làm đều đảm bảo yêu cầu, thẩm mỹ, an toàn phù hợp với trẻ. Hàng năm được bổ sung, tu sửa định kỳ. Giáo viên nhiệt tình trong công tác sưu tầm và làm đồ dùng dạy học tự tạo đáp ứng được yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Nhà trường có các khu nhà vệ sinh dùng cho trẻ được thiết kế và xây dựng sạch sẽ đảm bảo theo đúng quy định.Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường, có hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ. Hệ thống cống rãnh, thu gom rác thải có nắp đậy đảm bảo vệ sinh môi trường. Có nhà vệ sinh riêng cho CB, GV, NV, GV các điểm lớp thu gom rác thải hằng ngày sạch sẽ.

 **\* Điểm yếu**

Một số điểm lẻ thiết bị đồ chơi ngoài trời chưa đồng bộ.

Trang thiết bị một số phòng chức năng chưa đồng bộ

Trang thiết bị một số phòng chức năng chưa đồng bộ, cán bộ y tế kiêm nhiệm nên việc hoàn thiện hồ sơ y tế còn gặp khó khăn.

Trường mới có 1 bếp ăn của điểm trung tâm. Các điểm trường khác chưa có bếp ăn bán trú, diện tích bếp còn hẹp.

Một số thiết bị đồ dùng, đồ chơi ở một số lớp lẻ chưa đồng bộ

Khu vệ sinh của trẻ chưa được ngăn cách riêng trẻ nam và nữ.

**- Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 3:**

+ Mức 1: Số tiêu chí đạt yêu cầu 6/6 (100%); số tiêu chí không đạt: Không.

+ Mức 2: Số tiêu chí đạt yêu cầu 6/6 (100%); số tiêu chí không đạt: Không.

+ Mức 3: Số tiêu chí đạt yêu cầu 5/5 (100%); số tiêu chí không đạt: Không.

 **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu**

Ban đại diện cha mẹ trẻ được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinhdo Bộ GD& ĐT ban hành, là tổ chức hỗ trợ đắc lực nhà trường trong hoạt động khuyến học, khuyến tài. Có kế hoạch hoạt động theo năm, tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ để cùng chăm lo cho sự nghiệp giáo dục và ngày càng nhận được nhiều sự quan tâm của các ban ngành, đoàn thể và các tổ chức xã hội trong việc quản lý, tổ chức, thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng đạo đức, chất lượng giáo dục toàn diện, cũng như đầu tư xây dựng cơ sở vật chất ngày một khang trang hơn, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của giáo dục.

**Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ**

*Mức 1*

*a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

 *b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

 *c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

*Mức 2*

 *Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến pháp luật chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.*

*Mức 3*

 *Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS.*

**1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1**

a) Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo đúng quy định Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh (Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT).

Ban đại diện CMHS trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh của 20 nhóm, lớp được bầu thông qua cuộc họp Ban đại diện cha mẹ học sinh đầu năm học và được sự đồng thuận của toàn thể phụ huynh các lớp và nhà trường. Ban đại diện CMHS các nhóm/ lớp đều có 03 thành viên (01 trưởng ban, 01 phó ban và 01 ủy viên) và hoạt động theo nguyên tắc đồng thuận cao. Hằng năm, Ban đại diện CMHS trường và các lớp họp thường kỳ 3 lần (vào đầu năm học, sơ kết học kỳ I và cuối năm học) để triển khai tổ chức các hoạt động theo nhiệm vụ năm học, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả đạt được trong năm học. Trong năm học, có những hoạt động bồi dưỡng, khuyến khích học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu kém; giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn khác; vận động học sinh đã bỏ học trở lại tiếp tục đi học. Ban đại diện CMHS nhà trường và các lớp đã tổ chức họp đột xuất để triển khai, lấy ý kiến của phụ huynh toàn trường **[H12-4.1-02];**

 b) Trong mỗi năm học Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh **[H12-4.1-01].**

Có quy chế phối hợp giữa nhà trường với Ban đại diện cha mẹ học sinh cụ thể theo nhiệm vụ và tình hình thực tế từng năm học. Quy chế làm việc của Ban đại diện cha mẹ học sinh **[H12-4.1-03].**

 c) Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức và thực hiện kế hoạch theo đúng tiến độ, có biên bản họp phụ huynh của trường và các lớp, báo cáo tình hình hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh, cuối năm họp Ban đại diện cha mẹ học sinh có báo cáo kết quả tổng kết về hoạt động của hội và có ý kiến đề xuất với nhà trường để có kế hoạch cho năm tiếp theo **[H12-4.1-04]; [H12-4.1-05].**

 **Mức 2**

 Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến pháp luật chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ **[H12-4.1-01].**

Hướng dẫn, tuyên truyền tới các bậc phụ huynh về chủ trương chính sách về việc chăm sóc gáo dục trẻ như huy động trẻ ra lớp cũng như huy động nguồn xã hội hóa đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ giáo dục của nhà trường. Công tác phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong và ngoài trường được quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác giáo dục **[H12-4.1-04]; [H12-4.1-05].**

 **Mức 3**

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh **[H12-4.1-05].**

**2. Điểm mạnh**

Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức hoạt động đảm bảo theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Hàng năm có kế hoạch hoạt động và thực hiện kế hoạch đúng tiến độ.

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp thường xuyên, làm tốt công tác tham mưu với nhà trường trong chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

**3. Điểm yếu**

 Một số ít đại diện cha mẹ học sinh khu lẻ chưa quan tâm nhiều các hoạt động của nhà trường do địa điểm sinh sống khoảng cách xa nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| Thường xuyên đến các khu lẻ để làm tốt công tác xã hội hóa GDMN với các bậc CMHS, vận động phụ huynh nhiệt tình tham gia vào công việc chung, hỗ trợ kinh phí hoạt động và làm tốt những mục tiêu mà Ban đại diện cha mẹ học sinh trẻ đề ra. | Cán bộ quản lý. | Kế hoạch tuyên truyền phối hợp với cha mẹ học sinh | Trong các năm học |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

 **Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường**

*Mức 1*

a*) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

 *b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

 *c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

 *Mức 2*

 *a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từngbước thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển;*

 *b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.*

 *Mức 3*

 *Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương*

 **1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

a) Nhà trường tích cực tham mưu với UBND xã Chiềng Chăn, UBND huyện Mai Sơn về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường.Cụ thể, nhà trường chủ động phối hợp với UBND xã trong công tác điều tra phổ cập, tham mưu đầu tư cơ sở vật chất, tuyên truyền hoạt động tuyển sinh, chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường; tổ chức các Hội thi giáo viên mầm non dạy giỏi cấp trường, cấp huyện. Trên cơ sở đó địa phương đã chỉ đạo phối hợp giữa nhà trường với các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức ban ngành đoàn thể để hoàn thành tốt nhiệm vụ của năm học góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường **[H12-4.2-01]; [H1-1.1-01].**

 b) Hàng năm nhà trường luôn chủ động tổ chức các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thứcvà trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục,về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường qua việc trao đổi giữa giáo viên và cha mẹ trẻ. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội truyền thống, hội thi theo kế hoạch, phù hợp với địa phương **[H12-4.2-03].**

 c) Nhà trường đã huy động và sử dụng các nguần lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng theo quy định **[H6-1.6-08]; [H12-4.2-02].**

**Mức 2**

 a) Nhà trường tích cực tham mưu với UBND xã Chiềng Chăn để tạo điều kiện cho nhà trường được cải tạo sửa chữa, đầu tư thiết bị hiện đại theo lộ trình nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2019-2025. Đề xuất với Đảng ủy, HĐND, UBND xã về phương hướng phát triển nhà trường, kế hoạch tuyển sinh…theo từng năm học **[H12-4.2-01]; [H1-1.1-01].**

 b) Hằng năm, Nhà trường phối hợp chặt chẽ với UBND xã, Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức tốt các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch đề ra như: Ngày hội đến trường của bé; Tết trung thu; Lễ hội mùa xuân; Bé tập làm chú bộ đội, 01/6.... Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thồng của địa phương **[H12-4.2-03].**

**Mức 3**

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường luôn được UBND xã công nhận trường đạt đơn vị văn hóa. Nhà trường phối hợp với ban đại diện cha mẹ học sinh đã tham mưu tốt tới cấp ủy Đảng, chính quyền xã Chiềng Chănvà phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương **[H12-4.2-04].**

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường luôn chủ động trong công tác tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục, nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Thực hiện tốt việc phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân, huy động được nhiều nguồn lực, từng bước nâng cao điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường.

Phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ phụ huynh nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch năm học và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, đảm bảo an toàn tuyệt đối trong nhà trường.

**3. Điểm yếu**

 Năm học 2019 - 2020 và 2020 - 2021 do ảnh hưởng của dịch Covid-19, việc huy động các nguồn lực, vật lực chưa thường xuyên, liên tục và kết quả chưa cao.

Nhận thức các bậc cha mẹ học sinh trẻ chưa đồng đều nên đôi khi nhà trường còn gặp khó khăn trong việc trao đổi thông tin và nội dung công việc.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Tiếp tục duy trì làm tốt công táctham mưu với cấp ủy Đảng chính quyền xã để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển,có chính sách phù hợp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trẻ toàn diện và xây dựng môi trường giáo dục thân thiện.  | Cán bộ quản lý. | Các kế hoạch, tờ trình tham mưu với địa phương, các đoàn thể... | Trong các năm học | Không |
| Tuyên truyền tốt về nâng cao nhận thức và trách nhiệm của phụ huynh và cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục. | Cán bộ quản lý.Giáo viên | Tổ chức hội nghị; các bài tuyên truyền.. | Trong các năm học | Không |

 **5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

 **Kết luận về tiêu chuẩn 4**

 **\* Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn**

Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức hoạt động đảm bảo theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Phối hợp thường xuyên, làm tốt công tác tham mưu với nhà trường trong chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Nhà trường luôn chủ động trong công tác tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục, nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Thực hiện tốt việc phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân, huy động được nhiều nguồn lực, từng bước nâng cao điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường. Phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ phụ huynh nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch năm học và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, đảm bảo an toàn tuyệt đối trong nhà trường.

**\* Những điểm yếu cơ bản của tiêu chuẩn**

 Một số ít đại diện cha mẹ học sinh khu lẻ chưa quan tâm nhiều các hoạt động của nhà trường do địa điểm sinh sống khoảng cách xa nhà trường.

Năm học 2019 - 2020 và 2020 - 2021 do ảnh hưởng của dịch Covid-19, việc huy động các nguồn lực, vật lực chưa thường xuyên, liên tục và kết quả chưa cao. Nhận thức các bậc cha mẹ học sinh trẻ chưa đồng đều nên đôi khi nhà trường còn gặp khó khăn trong việc trao đổi thông tin và nội dung công việc.

**- Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 2tiêu chí**

+ Mức 1: Số tiêu chí đạt yêu cầu 02/02 (100%); số tiêu chí không đạt: Không.

+ Mức 2: Số tiêu chí đạt yêu cầu 02/02 (100%); số tiêu chí không đạt: Không.

+ Mức 3: Số tiêu chí đạt yêu cầu 02/02 (100%); số tiêu chí không đạt: Không.

**Tiêu chuẩn 5. Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ**

 **Mở đầu**

 Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục Mầm non theo đúng kế hoạch.Thực hiệncó hiệu quả chương trình GDMN do Bộ Giáo dục Và Đào tạo ban hành theoThông tư số 28/2016 TT-BGD ĐT ngày 30/12/2016 Thông tư Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành sửa đối, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường chủ động trong việc xây dựng kế hoạch và thực hiện phát triển Chương trình giáo dục Mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp về quy định chuyên môn của cơ quan quản lý và điều kiện thực tế của địa phương. Định kỳ có rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình. 100% trẻ học tập tại trường đều được quan tâm chăm sóc chu đáo, đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần; trẻ được phát triển toàn diện về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ và tình cảm quan hệ xã hội phù hợp với độ tuổi. Đặc biệt nhà trường tăng cường tổ chức nhiều hoạt động tập thể, giáo dục kỹ năng sống… giúp trẻ có nhiều cơ hội được trải nghiệm, tiếp xúc với thiên nhiên. Trẻ mạnh dạn, tự tin, hứng thú tham gia vào các hoạt động, có nền tảng kỹ năng, kiến thức vững vàng, đạt yêu cầu các độ tuổi, tạo nền tảng vững chắc cho trẻ bước vào lớp 1.

 **Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non**

 *Mức 1*

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch*

*b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*

*c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

 *Mức 2*

 *a) Tổ chức thực hiện Chương trình GDMN đảm bảo chất lượng;*

 *b) Nhà trường phát triển chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục -Đào tạo ban hành, phù hợp với địa phương đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

 *Mức 3*

 *a) Nhà trường phát triển chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng qui định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương.*

 *b) Hàng năm tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

 **1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

 a) Cán bộ quản lý nhà trường chủ xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình GDMN theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 và Thông tư số 28/2016/TTBGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trên cơ sở đó các khối lớp đã xây dựng kế hoạch của khối lớp mình, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và năng lực cá nhân của học sinh. Từ năm học 2021-2022 nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện và phát triển chương trình theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non **[H7-1.8-01];**

 b) Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện phát triển chương trình giáo dục mầm non trên cơ sở chương trình khung của BGD&ĐT đảm bảo phù hợp với các cơ quan quản lý giáo dục và các điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường thực hiện quan điểm lấy trẻ làm trung tâm; quan tâm đến năng lực cá nhân của từng trẻ, đảm bảo việc thực hiện chương trình GDMN tuân thủ chặt chẽ theo các khâu: Lập kế hoạch chăm sóc - giáo dục trẻ của lớp; Xây dựng môi trường GD trong và ngoài lớp; Tổ chức hoạt động chăm sóc- giáo dục trẻ; Đánh giá trẻ; **Sự phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ và cộng đồng trong giáo dục lấy trẻ làm trung tâm**. Thời gian thực hiện chương trình giáo dục đảm bảo đủ 35 tuần thực học theo quy định. Bám sát khả năng nhận thức của trẻ nhằm phát triển toàn diện 5 lĩnh vực cho trẻ mẫu giáo và 4 lĩnh vực cho trẻ nhà trẻ. **[H7-1.8-03];**

 c) Hàng năm, nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh, bổ sung kịp thời, phù hợp với sự phát triển của trẻ, việc đánh giá giúp nhà trường và tổ chuyên môn bám sát vào mục tiêu độ tuổi, đánh giá đúng thực trạng để xây dựng mức độ đạt được so với mục tiêu đề ra.**[H12-5.1-01].**

 **Mức 2**

 a) Cán bộ quản lý nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo thông tư của Bộ giáo dục quy định, đảm bảo chất lượng,tạo điều kiện cho giáo viên và học sinh, phát huy khả năng sáng tạo không chỉ trong giờ học mà còn trong mọi hoạt động ở trường. Giáo viên luôn đổi mới tiết dạy, học sinh tích cực phát huy khả năng thông qua hoạt động khám phá, vui chơi. Từ đó giúp nâng cao chất lượng công tác chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ theo đúng nội dung chương trình quy định của chuyên môn, phù hợp với đặc thù của nhà trường. **[H7-1.8-03]; [H13-5.1-04].**

 b) Nhà trường phát triển chương trình thực hiện dựa trên chương trình GDMN ban hành kèm theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi. Chương trình chú trọng các hoạt động chủ đạo của từng lứa tuổi; phối hợp các phương pháp phù hợp, tăng cường tính chủ động, tích cực hoạt động của trẻ, đảm bảo tính vừa sức. Khuyến khích động viên trẻ phát huy khả năng, bộc lộ năng khiếu, tạo cơ hội cho trẻ tương tác với nhau, giáo dục tinh thần đoàn kết, nhân ái. Bên cạnh đó chương trình quan tâm xây dựng các hoạt động giáo dục cho trẻ tính tự lập học tập, có kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, lễ giáo tốt, tăng cường tiếng Việt cho trẻ vùng dân tộc thiểu số phù hợp với yêu cầu của xã hội hiện đại và truyền thống văn hóa của dân tộc **[H13-5.1-02]; [H5-1.5-03].**

 **Mức 3**

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của Hàn Quốc; tham khảo, lựa chọn một số nội dung phù hợp vớiđiều kiện thực tế của nhà trường, địa phương, năng lực của giáo viên và nhận thức của học sinh **[H13-5.1-03].**

b) Hằng năm, nhà trường có tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ **[H1-1.1-04]; [H13-5.1-05].**

 **2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục đúng quy định theo quan điểm “Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm” phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, xã Chiềng Chăn. Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do bộ GD&ĐT ban hành phù hợp với quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, điều kiện của nhà trường, văn hóa xã hội của địa phương, đáp ứng khả năng, nhu cầu của trẻ. Định kỳ nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình và có sự đánh giá điều chỉnh phù hợp.

 **3. Điểm yếu**

 Giáo viên chưa được tham gia các lớp tập huấn cơ bản về chương trình giáo dục Steam và các chương trình giáo dục tiên tiến trên thế giới và trong khu vực.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Cử cán bộ quản lý, giáo viên tham gia tập huấn chương trình Steam và các chương trình giáo dục tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. | Cán bộ quản lý, các tổ chuyên môn, giáo viên | Kế hoạch nhà trường | Trong các năm học | Không |

 **5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

**Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ**

*Mức 1*

*a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*

*b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*

 *c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

 *Mức 2*

*Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.*

*Mức 3*

 *Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm: “học bằng chơi - chơi mà học ”.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

a) Nhà trường luôn chú trọng đổi mới phương pháp dạy học trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục; 100% giáo viên trong trường thực hiện linh hoạt các phương pháp trong việc tổ chức hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, đảm bảo phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường.Giáo viên động viên, khuyến khích bày tỏ cảm xúc và ý kiến cá nhân, do đó trẻ luôn mạnh dạn, tự tin nêu ý kiến bản thân khi giao tiếp, khi trả lời câu hỏi, khi nhận xét về sự vật hiện tượng xung quanh, chủ động nêu ý kiến của mình khi gặp các tình huống để thoả thuận chơi với bạn, cùng nhau xây dựng các quy tắc cho hoạt động chơi của nhóm, đề nghị sự giúp đỡ của người khác **[H1-1.1-03]; [H7-1.8-05].**

 b) Nhà trường tổ chức xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo cảnh quan môi trường trong và ngoài lớp học nhằm kích thích, hứng thú tạo điều kiện cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “*học bằng chơi*”, “*chơi mà học*”, trẻ được trải nghiệm thực tế. Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động tạo cơ hội cho trẻ tìm tòi, khám phá phù hợp với nhu cầu, đặc điểm và khả năng của trẻ. Môi trường trong các lớp học phong phú, đa dạng, trang trí sáng tạo đã tạo sự kích thích tích cực ở học sinh, giúp trẻ hào hứng, phát huy năng lực khi vui chơi và trải nghiệm. Bố trí, sắp xếp các khu vực chơi, hoạt động trong lớp và ngoài trời phù hợp với mục tiêu giáo dục, thuận tiện cho việc sử dụng của giáo viên và trẻ. Quy hoạch không gian hiện có của nhà trường để phân bố diện tích cho các hoạt động phù hợp với độ tuổi, sở thích, khả năng... của trẻ và phù hợp hoạt động chung của lớp, hoạt động nhóm hoặc cá nhân. Đảm bảo đủ và đa dạng các loại vật liệu, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phù hợp, thể hiện được rõ nét văn hóa của dân tộc Thái, Mông ở xã Chiềng Chăn **[H13-5.2-01]; [H13-5.2-05].**

c) Nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ. Tổ chức hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức hoạt động cá nhân, theo nhóm nhỏ và cả lớp, phù hợp với độ tuổi của trẻ, với khả năng của từng trẻ, với nhu cầu và hứng thú của trẻ và với điều kiện thực tế của nhà trường  **[H13-5.2-02]; [H13-5.2-03].**

**Mức 2**

Trường Mầm non Chiềng Chăn luôn quan tâm tạo điều kiện cho trẻ được tham gia các hoạt động thực hành, trải nghiệm từ những kiến thức thực tế phù hợp với đặc điểm của trẻ và các điều kiện thực tế sẵn có của trường, của xã Chiềng Chăn. Những hoạt động trải nghiệm trong môi trường lớp học, môi trường ngoài lớp học của nhà trường được quan tâm đặc biệt. Các góc chơi trong các lớp học đều được bố trí theo hướng mở để trẻ thỏa sức tìm tòi và khám phá. Nhà trường đã tận dụng các khoảng sân vườn trong khuôn viên để bố trí các đồ chơi: Chơi với cát và nước, quan sát cây xanh, thí nghiệm khoa học vui… nhằm nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non **[H13-5.2-01]; [H13-5.2-05];**

**Mức 3**

Nhà trường tổ chức môi trường giáo dục an toàn, có sự bố trí khu vực chơi và học trong lớp và ngoài lớp phù hợp, thuận tiện không những có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển thể chất của trẻ, mà còn thỏa mãn nhu cầu nhận thức, mở rộng hiểu biết của trẻ, kích thích trẻ hoạt động tích cực, sáng tạo. Trong lớp học các giáo viên xây dựng môi trường với những màu sắc sinh động và ngộ nghĩnh. Môi trường có không gian, cách sắp xếp phù hợp, gần gũi, quen thuộc với cuộc sống thực hàng ngày của trẻ: Bố trí các góc hoạt động hợp lí, các góc hoạt động có*“ranh giới”* rõ ràng, có lối đi cho trẻ di chuyển thuận tiện khi liên kết giữa các góc chơi. Sắp xếp các góc để giáo viên có thể dễ dàng quan sát/giám sát được toàn bộ hoạt động của trẻ. Các đồ dùng và học liệu đã hỗ trợ giáo viên thực hiện kế hoạch giáo dục học sinh và để thu hút trẻ tham gia, cũng như tạo ra các cơ hội học tập khác. Xây dựng môi trường ngoài lớp học phù hợp, an toàn, sạch đẹp, hấp dẫn tạo cơ hội cho trẻ hoạt động, đáp ứng nhu cầu chơi của trẻ. Đồ chơi, học liệu, trang thiết bị ở ngoài lớp học đảm bảo an toàn, vệ sinh: không có đồ sắc nhọn, không độc hại, thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, được bảo dưỡng định kì, sửa chữa kịp thời, tạo hình ảnh và ấn tượng riêng của trường **[H13-5.2-01]; [H13-5.2-04]; [H13-5.2-05].**

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường luôn chú trọng đổi mới phương pháp dạy học trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục; 100% giáo viên trong trường thực hiện linh hoạt các phương pháp trong việc tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ, đảm bảo phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường. Nhà trường chú trọng xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo cảnh quan môi trường trong và ngoài lớp học nhằm kích thích, hứng thú tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “*học bằng chơi*”, “*chơi mà học*”. Trường Mầm non Chiềng Chăn luôn quan tâm tạo điều kiện cho trẻ được tham gia các hoạt động thực hành, trải nghiệm từ những kiến thức thực tế phù hợp với đặc điểm của trẻ và các điều kiện thực tế sẵn có của trường và xã. Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của lứa tuổi trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm. Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ, phù hợp điều kiên thực tế.

**3. Điểm yếu**

Một số giáo viên còn chưa linh hoạt, sáng tạo trong thiết kế, tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ, xây dựng hoạt động còn gò bó, áp đặt trẻ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| Tiếp tục thực hiện chuyên đề *“Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”* | CBQL, TTCM, GV | Kế hoạch nhà trường | Trong các năm học |
| Nhà trường thường xuyên tổ chức hội thảo, thao giảng, dự giờ về tổ chức các hoạt động giáo dục để giáo viên học hỏi, trao đổi rút kinh nghiệm giúp giáo viên nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ trong những năm học tiếp theo. | CBQL, GV | Kế hoạch dự giờ, sinh hoạt chuyên môn. | Trong các năm học |

 **5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

**Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe**

Mức 1

 a*) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;*

*b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định.*

*c) Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường, được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

Mức 2

*a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe.*

*b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường*

*c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp*

Mức 3

*Có ít nhất 95% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường*

**1. Mô tảhiện trạng**

**Mức 1**

a) Hằng năm nhà trường chủ động phối hợp tốt với trạm Y tế xã Chiềng Chăn khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần/năm đảm bảo theo quy định, cho trẻ uống Vitamin A, uống thuốc tẩy giun... tiêm phòng đầy đủ theo qui định; tổ chức khám sức khỏe cho trẻ vào tháng 9 và tháng 3 hằng năm với đầy đủ chuyên khoa (Tai mũi họng, răng hàm mặt, nội, mắt) xử lý số liệu chính xác. Trẻ trên 36 tháng đo chiều cao, cân nặng, đo huyết áp, nhịp tim, thị lực của trẻ **[H8-1.10-03].**

b) Hàng năm nhà trường tổ chức cân, đo cho 100% trẻ 3 lần/năm học. Theo dõi sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới (cân nặng theo tuổi, chiều cao theo tuổi và cân nặng theo chiều cao (trẻ 01 đến 60 tháng) hoặc BMI theo tuổi (trẻ 60 đến 78 tháng). Riêng trẻ từ 60 tháng tuổi, theo dõi chỉ số khối cơ thể (BMI). Theo dõi và cân đo cho trẻ SDD, trẻ có nguy cơ béo phì hằng tháng **[H8-1.10-03].**

c) Nhà trường có 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học. Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyên truyền tới phụ huynh có trẻ trong diện SDD nhằm phối hợp cách chăm sóc trong nhà trường và gia đình duy trì cho trẻ uống sữa vào buổi sáng hàng ngày tại gia đình, kiểm tra sức khỏe, tập luyện. Đặc biệt gia đình cần bổ sung dưỡng chất cho phù hợp vào các bữa ăn hàng ngày của trẻ **[H8-1.10-03]; [H5-1.5-03]; [H5-1.5-04].**

**Mức 2**

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về chăm sóc nuôi dưỡng, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ thông qua các buổi họp cha mẹ học sinh; thông qua bảng tin của trường, của lớp; thông qua việc tổ chức các ngày hội, ngày lễ, hội thi của trẻ. Khuyến khích phụ huynh thường xuyên trao đổi với giáo viên (*trong giờ đón, trả trẻ, qua điện thoại...)* để can thiệp sớm cho trẻ **[H8-1.10-03];**

b) Nhà trường luôn quan tâm đến chế độ dinh dưỡng hàng ngày:

Đối với trẻ ở các điểm trường tổ chức bán trú dân mang cơm, Giáo viên tuyên truyền các bậc phụ huynh chuẩn bị cơm trưa cho trẻ theo thực đơn theo mùa để đảm bảo cân đối các dưỡng chất và kích thích trẻ ăn ngon miệng, ăn hết suất.

Đối với trẻ ăn bán trú tại trường: Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định. Nhà trường chủ động xây dựng chế độ ăn cho trẻ Nhà trẻ là 2 bữa chính *(Chính trưa, chính chiều)* 1 bữa phụ chiều; Mẫu giáo 1 bữa chính trưa 1 bữa phụ chiều. Thực đơn bữa chính có trên 10 loại thực phẩm, trong đó có từ 3 đến 5 loại rau, củ được thay đổi theo mùa bao gồm các món: Cơm, món xào, món mặn, canh. Xây dựng thực đơn một tuần không lặp lại **[H14-5.3-01]; [H8-1.10-04].**

c) Nhà trường xây dựng kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng đối với trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì. 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp và tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm **[H8-1.10-03]; [H5-1.5-03]; [H5-1.5-04].**

 **Mức 3**

Năm học vừa qua nhà trường có 98,6% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường. Tại thời điểm đánh giá Nhà trường đạt 94,3% trẻ khỏe mạnh phát triển bình thường về cân nặng **[H5-1.5-03]; [H5-1.5-04].**

 **2. Điểm mạnh**

Trong những năm qua nhà trường thực hiện nghiêm túc công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ. 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng. Chế độ dinh dưỡng đảm bảo theo quy định, 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng các biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ được thay đổi phù hợp với thể trạng sức khỏe so với đầu năm học.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường vẫn còn 12,3% trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi; Một số điểm trường chưa tổ chức nấu ăn tập chung (cha mẹ trẻ mang cơm đến lớp).

 **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện đảm bảo để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| Thường xuyên thực hiện đa dạng các nội dung tuyên truyền tới các bậc phụ huynh về chế độ dinh dưỡng hợp lý, cải thiện chất lượng bữa ăn của trẻ tại các gia đình, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng trong các năm học tiếp theo. | BGH, GV | Kế hoạch tuyên truyền hàng tháng | Trong cả năm học |

 **5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 3**

 **Tiêu chí 5.4. Kết quả giáo dục**

*Mức 1*

a*) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%;*

 *c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.*

 *Mức 2*

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90 % với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95% trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;*

 *c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.*

 *Mức 3*

*a) Tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97% trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;*

*b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (Nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.*

**1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1**

a) Nhà trường thực hiện nghiêm túc công tác tuyển sinh, ưu tiên và vận động 100% trẻ 5 tuổi trên địa bàn xã ra lớp. Thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục trẻ 5 tuổi, hàng năm nhà trường huy động 100% trẻ 5 tuổi ra lớp, đảm bảo 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non, chuẩn bị tốt tâm thế cho trẻ vào lớp 1; Năm học 2021-2022 nhà trường có tổng số 457/557 cháu được huy động ra lớp, trong đó trẻ nhà trẻ có chiếm tỷ lệ huy động đạt 45%; mẫu giáo từ 3-5 tuổi chiếm tỷ lệ huy động đạt 95,8%, trẻ 5 tuổi đạt tỷ lệ 97,3%. Tỷ lệ chuyên cần đạt tỷ lệ 97,6% **[H5-1.5-04].**

b) Hàng năm 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non và được chuyển lên lớp 1 học theo quy định **[H15-5.4-01].**

c) Năm học 2018-2019; 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022 nhà trường có 08 trẻ khuyết tật học hòa nhập và được đánh giá có tiến bộ **[H5-1.5-03]; [H15-5.4-02].**

**Mức 2**

a) Hằng năm nhà trường có tỷ lệ chuyên cần trung bình đạt 97,6%; trẻ 5 tuổi đạt 98,4% **[H5-1.5-03]; [H15-5.4-01].**

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt 100% **[H15-5.4-02];**

c) Năm học 2018–2019 nhà trường có 02 trẻ khuyết tật học hòa nhập; năm học 2019-2020 có 03 trẻ khuyết tật học hòa nhập; năm học 2020-2021 có 01 trẻ khuyết tật học hòa nhập, năm học 2021-2022 có 02 trẻ khuyết tật học hòa nhập và được đánh giá là có tiến bộ đạt 100% **[H15-5.4-02].**

**Mức 3**

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt 100%. **[H15-5.4-01].**

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ đạt 100% **[H15 -5.4-02];**

**2. Điểm mạnh**

 Nhà trường luôn đảm bảo tỷ lệ chuyên cần đạt 98% trở lên đối với trẻ 5 tuổi đạt 100% trẻ dưới 5 tuổi đạt 96%, trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt 100%.

 **3. Điểm yếu**

 Thiết bị phục vụ cho trẻ khuyết tật học tập chưa đầy đủ và phù hợp với các dạng khuyết tật.

**4**. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Thời gian thực hiện** | **Người thực hiện** | **Điều kiện đảm bảo để thực hiện** |
| Thực hiện tốt công tác xã hội hóa GDMN, phối hợp với địa phương và tham mưu với các cấp hỗ trợ trang thiết bị học tập cho trẻ khuyết tật. | BGH, GV, NV | Kế hoạch GD năm học. | Trong các năm học |

 **5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 3**

 **Kết luận về Tiêu chuẩn 5**

 **\* Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn**

Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục đúng quy định theo quan điểm “Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm” phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, xã Chiềng Chăn. Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do bộ GD&ĐT ban hành phù hợp với quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, điều kiện của nhà trường, văn hóa xã hội của địa phương, đáp ứng khả năng, nhu cầu của trẻ. Định kỳ nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình và có sự đánh giá điều chỉnh phù hợp.

Nhà trường luôn chú trọng đổi mới phương pháp dạy học trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục; 100% giáo viên trong trường thực hiện linh hoạt các phương pháp trong việc tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ, đảm bảo phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường. Nhà trường chú trọng xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo cảnh quan môi trường trong và ngoài lớp học nhằm kích thích, hứng thú tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “*học bằng chơi*”, “*chơi mà học*”. Trường Mầm non Chiềng Chăn luôn quan tâm tạo điều kiện cho trẻ được tham gia các hoạt động thực hành, trải nghiệm từ những kiến thức thực tế phù hợp với đặc điểm của trẻ và các điều kiện thực tế sẵn có của trường và xã. Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của lứa tuổi trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm. Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ, phù hợp điều kiên thực tế.

Trong những năm qua nhà trường thực hiện nghiêm túc công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ. 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng. Chế độ dinh dưỡng đảm bảo theo quy định, 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng các biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ được thay đổi phù hợp với thể trạng sức khỏe so với đầu năm học.

Nhà trường luôn đảm bảo tỷ lệ chuyên cần đạt 98% trở lên đối với trẻ 5 tuổi đạt 100% trẻ dưới 5 tuổi đạt 96%, trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt 100%.

**\* Những điểm yếu cơ bản của tiêu chuẩn**

Giáo viên chưa được tham gia các lớp tập huấn cơ bản về chương trình giáo dục Steam.

Một số giáo viên còn chưa linh hoạt, sáng tạo trong thiết kế, tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ, xây dựng hoạt động còn gò bó, áp đặt trẻ.

Hằng năm nhà trường vẫn còn 7,69 % trẻ suy dinh dưỡng, và thiếu cân do chất lượng bữa ăn của một số trẻ tại gia đình còn chưa đảm bảo, gia đình các cháu có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Thiết bị phục vụ cho trẻ khuyết tật học tập chưa đầy đủ và phù hợp với các dạng khuyết tật.

**- Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 5**

+ Mức 1: Số tiêu chí đạt yêu cầu 4/4 (100%); số tiêu chí không đạt: Không.

+ Mức 2: Số tiêu chí đạt yêu cầu 4/4 (100%); số tiêu chí không đạt: Không.

+ Mức 3: Số tiêu chí đạt yêu cầu 4/4 (100%); số tiêu chí không đạt: Không.

**II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4: Không đạt**

**Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

Việc kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non là trách nhiệm, động lực để cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở mỗi nhà trường. Đồng thời còn được coi là một hoạt động có hiệu quả để đánh giá một cơ sở giáo dục, đánh giá ghi nhận một chương trình đào tạo có đạt chất lượng hay không. Công tác kiểm định và đánh giá chất lượng giáo dục có vai trò như những chuyên gia tư vấn, sẵn sàng giúp nhà trường giải quyết vấn đề tồn đọng nhằm nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục.

Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, góp phần định hướng các hoạt động của nhà trường như định hướng lựa chọn của cha mẹ trẻ đối với cơ sở giáo dục có chất lượng đạt hiệu quả hơn và để tăng cường việc nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, công tác quản lý. Định hướng phát triển cho giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

 Căn cứ Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Qua quá trình tự tiến hành đánh giá của nhà trường, kết quả đạt được qua các chỉ báo, của các tiêu chí về kiểm định chất lượng giáo dục như sau:

Số lượng và tỷ lệ (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2, Mức 3, Mức 4:

**Mức 1**: Số tiêu chí đạt: 25/25(100%) số tiêu chí không đạt: Không

**Mức 2**: Số tiêu chí đạt: 25/25 (100%) số tiêu chí không đạt: Không

**Mức 3**: Số tiêu chí đạt: 19/19 (100%) số tiêu chí không đạt: Không.

**Mức 4**: Số tiêu chí đạt: 0/6 tỷ lệ 0%: **Không đạt**

Đối chiếu với Điều 34, Chương IV Công nhận và cấp chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục; Điều 36, Chương V Công nhận và cấp bằng công nhận Trường Mầm non đạt chuẩn Quốc gia được ban hành kèm theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non:

**\*** Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: **Mức 3.**

\* Cơ sở giáo dục đề nghị đạt Kiểm định chất lượng giáo dục **Cấp độ 3.**

\* Cơ sở giáo dục đề nghị đạt chuẩn quốc gia **Mức độ 2** *(Thời điểm đề nghị tháng 11 năm 2021).*

Trên đây là báo cáo tự đánh giá Kiểm định chất lượng giáo dục của Trường Mầm non Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nhà trường đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia của nhà trường, trình Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh Sơn La thành lập đoàn đánh giá ngoài rà soát, đánh giá và công nhận đạt chuẩn quốc gia theo quy định./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Mai Sơn, ngày 20 tháng 10 năm 2021***HIỆU TRƯỞNG****Hoàng Thị Tuyết Minh** |